

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CẤP NƯỚC SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 946/NSL-CBTT

Sơn La, ngày 10 tháng 12 năm 2025

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN
CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC, SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

1. Tên tổ chức: Công ty cổ phần cấp nước Sơn La
- Mã chứng khoán/Mã thành viên: NSL
- Địa chỉ: Số 55 đường Tô Hiệu, Phường Tô Hiệu, tỉnh Sơn La
- Điện thoại liên hệ: 1900636761 Fax: 02123854539
- E-mail: sowasucom@gmail.com
2. Nội dung thông tin công bố:
Thông báo và tài liệu Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản lần 1 năm 2025.
3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 10/12/2025 tại đường dẫn <https://capnuocsonla.vn/shareholders>
Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT.

Đại diện tổ chức
Người đại diện theo pháp luật
TỔNG GIÁM ĐỐC

Trần Quyết Chiến

TỜ TRÌNH

V/v: Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản thông qua chủ trương thực hiện đầu tư Dự án Nhà máy nước Chiềng Dong và các tuyến ống truyền tải nước sạch kết nối thành phố Sơn La và huyện Mai Sơn (*nay là các xã Mai Sơn, Chiềng Mung, Chiềng Mai và phường Chiềng Sinh, tỉnh Sơn La*)

Kính gửi: Quý Cổ đông Công ty cổ phần Cấp nước Sơn La

A. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP: Công ty CP Cấp nước Sơn La.

- Địa chỉ trụ sở chính: Số 55 đường Tô Hiệu, phường Tô Hiệu, tỉnh Sơn La.
- Điện thoại: (0212)3854837 Fax: (0212)3854539
- Mã số doanh nghiệp: 5500154649 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sơn La cấp lần đầu ngày 18/04/2005, thay đổi lần thứ 9 ngày 23/06/2025.

B. MỤC ĐÍCH LẤY Ý KIẾN

Xin ý kiến Cổ đông bằng văn bản về việc thông qua chủ trương đầu tư Dự án Nhà máy nước Chiềng Dong và các tuyến ống truyền tải nước sạch kết nối thành phố Sơn La và huyện Mai Sơn (*nay là các xã Mai Sơn, Chiềng Mung, Chiềng Mai và phường Chiềng Sinh, tỉnh Sơn La*); đồng thời ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định các vấn đề về phương án tài chính, giá nước và tổ chức triển khai thực hiện Dự án.

C. VẤN ĐỀ CẦN LẤY Ý KIẾN

Căn cứ Nghị quyết số 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 02/02/2021 Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty cổ phần Cấp nước Sơn La về thực hiện các dự án phát triển các hệ thống cấp nước của Công ty. Sau khi UBND tỉnh Sơn La ban hành Quyết định số 2488/QĐ-UBND ngày 10/10/2021 về việc chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư Dự án Nhà máy nước Chiềng Dong và các tuyến ống truyền tải nước sạch kết nối thành phố Sơn La và huyện Mai Sơn. Công ty đã phối hợp và làm việc với các cơ quan, ban ngành của Trung ương và địa phương có liên quan tới phạm vi ảnh hưởng của Dự án. Đến nay Báo cáo nghiên cứu khả thi (BCNCKT) của dự án đã được đơn vị tư vấn lập và các cơ quan liên quan thẩm định.

Dự án Nhà máy nước Chiềng Dong có công suất 14.000 m³/ngày đêm, bao gồm các hạng mục chính như sau:

- Tuyến ống nước thô.
- Nhà máy xử lý nước.

- Hệ thống tuyển ống truyền tải nước sạch.
- Các hạng mục phụ trợ.
- Tổng mức đầu tư dự kiến: Khoảng 260,456 tỷ đồng.

Để triển khai Dự án đáp ứng yêu cầu an toàn cấp nước cho địa bàn các xã, phường. Hội đồng quản trị trình Quý Cổ đông thông qua nội dung sau:

1. Thông qua chủ trương đầu tư Dự án Nhà máy nước Chiềng Dong và các tuyến ống truyền tải nước sạch kết nối thành phố Sơn La và huyện Mai Sơn (nay là các xã Mai Sơn, Chiềng Mung, Chiềng Mai và phường Chiềng Sinh, tỉnh Sơn La).

2. Ủy quyền toàn diện cho Hội đồng quản trị Công ty thực hiện các công việc sau để triển khai Dự án đảm bảo hiệu quả:

- Rà soát, thẩm định và phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi (BCNCKT) chi tiết; quyết định chính xác Tổng mức đầu tư và Cơ cấu nguồn vốn phù hợp với thực tế.

- Quyết định Phương án giá nước sạch và chủ động làm việc với các cơ quan quản lý nhà nước để xây dựng lộ trình tăng giá nước, đảm bảo khả năng thu hồi vốn và hiệu quả tài chính của Dự án.

- Quyết định phương án huy động vốn chi tiết (tỷ lệ vốn tự có, vốn vay, lựa chọn ngân hàng, tài sản thế chấp...).

- Quyết định các vấn đề khác phát sinh trong quá trình triển khai thực hiện Dự án thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

Trân trọng kính trình.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Hồng

CÔNG TY CỔ PHẦN
CẤP NƯỚC SƠN LA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../2025/NQ-DHĐCĐ
Dự thảo

Sơn La, ngày tháng ... năm 2025

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG BẤT THƯỜNG LẦN 1 NĂM 2025
(Thông qua dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản)

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SƠN LA

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần Cấp nước Sơn La;

Căn cứ Biên bản kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản số .../2025/BB-DHĐCĐ ngày .../.../2025 của Công ty cổ phần Cấp nước Sơn La.

QUYẾT NGHỊ

Điều 1. Thông qua chủ trương đầu tư Dự án Nhà máy nước Chiềng Dong và các tuyến ống truyền tải nước sạch kết nối thành phố Sơn La và huyện Mai Sơn (nay là các xã Mai Sơn, Chiềng Mung, Chiềng Mai và phường Chiềng Sinh, tỉnh Sơn La) theo nội dung Tờ trình số 894/2025/TTr-CN-HĐQT ngày 25/11/2025 của Hội đồng quản trị (với số phiếu tán thành đại diện cho cổ phần và bằng% tổng số cổ phiếu có quyền biểu quyết của các cổ đông).

Dự án Nhà máy nước Chiềng Dong có công suất 14.000 m³/ngày đêm, bao gồm các hạng mục chính như sau:

- Tuyến ống nước thô.
- Nhà máy xử lý nước.
- Hệ thống tuyến ống truyền tải nước sạch.
- Các hạng mục phụ trợ.
- Tổng mức đầu tư dự kiến: Khoảng 260,456 tỷ đồng.

Điều 2. Ủy quyền toàn diện cho Hội đồng quản trị Công ty thực hiện các công việc sau để triển khai Dự án đảm bảo hiệu quả:

- Rà soát, thẩm định và phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi (BCNCKT) chi tiết; quyết định chính xác Tổng mức đầu tư và Cơ cấu nguồn vốn phù hợp với thực tế.
- Quyết định Phương án giá nước sạch và chủ động làm việc với các cơ quan quản lý nhà nước để xây dựng lộ trình tăng giá nước, đảm bảo khả năng thu hồi vốn và hiệu quả tài chính của Dự án.
- Quyết định phương án huy động vốn chi tiết (tỷ lệ vốn tự có, vốn vay, lựa chọn ngân hàng, tài sản thế chấp...).

- Quyết định các vấn đề khác phát sinh trong quá trình triển khai thực hiện Dự án thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

(với số phiếu tán thành đại diện cho cổ phần và bằng% tổng số cổ phiếu có quyền biểu quyết của các cổ đông).

Điều 3. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày tháng ... năm 2025.

Hội đồng quản trị có trách nhiệm công bố Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông bất thường lần 1 năm 2025 và đăng tải trên Website của Công ty Cổ phần Cấp nước Sơn La (<http://capnuocsonla.vn>) theo đúng quy định của pháp luật.

Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và toàn thể cổ đông Công ty cổ phần Cấp nước Sơn La chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

Nơi nhận:

- Như Điều 2 (để thi hành);
- UBCK NN; HNX; VSD (để b/cáo);
- Lưu VT, Hồ sơ ĐHĐCĐ.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

CHỦ TỊCH HĐQT



THÔNG BÁO
LẤY Ý KIẾN CỔ ĐÔNG BẰNG VĂN BẢN LẦN I NĂM 2025

Kính gửi Quý Cổ đông

Hội đồng Quản trị Công ty cổ phần Cấp nước Sơn La (“Công ty”) trân trọng thông báo đến Quý Cổ đông về việc tham gia lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản lần I năm 2025 của Công ty theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, cụ thể như sau:

1. Đối tượng tham gia: Cổ đông sở hữu cổ phiếu Công ty cổ phần Cấp nước Sơn La có tên trong danh sách cổ đông do Tổng công ty Lũy ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam (VSDC) chốt theo ngày đăng ký cuối cùng là ngày 08/12/2025.

2. Thời gian gửi phiếu và kiểm phiếu ý kiến:

- Ngày 15/12/2025: Công ty gửi phiếu.

- Ngày 29/12/2025 là thời hạn cuối cùng nhận phiếu. Trường hợp quá hạn trên nếu không có ý kiến phản hồi, Quý Cổ đông được xem như không tham gia biểu quyết.

3. Địa điểm thực hiện kiểm phiếu: Văn phòng Công ty, số 55 đường Tô Hiệu, tỉnh Sơn La.

4. Nội dung lấy ý kiến cổ đông: Tờ trình số 894/2025/TTr-CN-HĐQT ngày 25/11/2025 của Hội đồng quản trị về thông qua chủ trương thực hiện đầu tư Dự án Xây dựng Nhà máy nước Chiềng Dong và các tuyến ống truyền tải nước sạch kết nối thành phố Sơn La và huyện Mai Sơn (nay là các xã Mai Sơn, Chiềng Mung, Chiềng Mai và phường Chiềng Sinh, tỉnh Sơn La); đồng thời ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định các vấn đề về phương án tài chính, giá nước và tổ chức triển khai thực hiện Dự án.

Tài liệu liên quan tới lấy ý kiến, Quý cổ đông vui lòng tham khảo trên trang website của Công ty tại địa chỉ <http://capnuocsomla.vn>.

Hội đồng quản trị trân trọng thông báo đến Quý Cổ đông thực hiện quyền biểu quyết và gửi Phiếu lấy ý kiến đựng trong phong bì dán kín về trụ sở chính của Công ty, số 55 đường Tô Hiệu, phường Tô Hiệu, tỉnh Sơn La chậm nhất đến 17 giờ 00 phút ngày 29/12/2025 theo phương thức gửi trực tiếp hoặc bằng đường bưu điện (tính theo dấu bưu điện) hoặc qua fax, Email.

Mọi thắc mắc phát sinh, Quý Cổ đông vui lòng liên hệ với Công ty qua số điện thoại (0212) 3.854.837

- Fax: (0212) 3.854.539;

- Email: ANHIVULe.qh@gmail.com

Trân trọng thông báo!



CÔNG TY CỔ PHẦN
CẤP NƯỚC SƠN LA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Sơn La, ngày tháng 12 năm 2025

PHIẾU LẤY Ý KIẾN

I. THÔNG TIN CÔNG TY

- Tên doanh nghiệp: **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SƠN LA**
- Địa chỉ: 55 đường Tô Hiệu, phường Tô Hiệu, tỉnh Sơn La.
- Điện thoại: (0212) 3854 837 Fax: (0212) 3854 539
- Giấy ĐKKD số: 5500100469 do Sở KH & ĐT tỉnh Sơn La cấp lần đầu ngày 18/04/2005 và đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 23/06/2025.

II. MỤC ĐÍCH LẤY Ý KIẾN

Lấy ý kiến Cổ đông thông qua chủ trương thực hiện đầu tư Dự án Nhà máy nước Chiềng Dong và các tuyến ống truyền tải nước sạch kết nối thành phố Sơn La và huyện Mai Sơn (nay là các xã Mai Sơn, Chiềng Mung, Chiềng Mai và phường Chiềng Sinh, tỉnh Sơn La) theo nội dung Tờ trình số 894/2025/TTr-CN-HĐQT ngày 25/11/2025 của Hội đồng quản trị.

III. THÔNG TIN VỀ CỔ ĐÔNG

Tên cổ đông:

Số CCCD/Số Giấy CNĐKKD:Ngày cấp:.....

Địa chỉ:

Số lượng cổ phần sở hữu (hoặc đại diện) đến ngày 08/12/2025:

Số phiếu biểu quyết phiếu (01 cổ phần có quyền biểu quyết tương ứng 01 phiếu biểu quyết).

IV. Ý KIẾN BIỂU QUYẾT CỦA CỔ ĐÔNG:

Nội dung 1: Thông qua chủ trương đầu tư Dự án Nhà máy nước Chiềng Dong và các tuyến ống truyền tải nước sạch kết nối thành phố Sơn La và huyện Mai Sơn (nay là các xã Mai Sơn, Chiềng Mung, Chiềng Mai và phường Chiềng Sinh, tỉnh Sơn La) theo nội dung Tờ trình số 894/2025/TTr-CN-HĐQT ngày 25/11/2025 của Hội đồng quản trị.

Dự án Nhà máy nước Chiềng Dong có công suất 14.000 m³/ngày đêm, bao gồm các hạng mục chính như sau:

- Tuyến ống nước thô.
- Nhà máy xử lý nước.
- Hệ thống tuyến ống truyền tải nước sạch.
- Các hạng mục phụ trợ.

- Tổng mức đầu tư dự kiến: Khoảng 260,456 tỷ đồng.

Tán thành ☐ Không tán thành ☐ Không có ý kiến ☐

Nội dung 2: Ủy quyền toàn diện cho Hội đồng quản trị Công ty thực hiện các công việc sau để triển khai Dự án đảm bảo hiệu quả:

- Rà soát, thẩm định và phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi (BCNCKT) chi tiết; quyết định chính xác Tổng mức đầu tư và Cơ cấu nguồn vốn phù hợp với thực tế.

- Quyết định Phương án giá nước sạch và chủ động làm việc với các cơ quan quản lý nhà nước để xây dựng lộ trình tăng giá nước, đảm bảo khả năng thu hồi vốn và hiệu quả tài chính của Dự án.

- Quyết định phương án huy động vốn chi tiết (tỷ lệ vốn tự có, vốn vay, lựa chọn ngân hàng, tài sản thế chấp...).

- Quyết định các vấn đề khác phát sinh trong quá trình triển khai thực hiện Dự án thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

Tán thành ☐ Không tán thành ☐ Không có ý kiến ☐

Nội dung 3: Thông qua toàn văn dự thảo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Tán thành ☐ Không tán thành ☐ Không có ý kiến ☐

Ghi chú:

Cổ đông điền đầy đủ theo nội dung tại Mục III. Thông tin về cổ đông; Lựa chọn và đánh dấu (X) vào một trong ba ý kiến: **Tán thành**, **Không tán thành** hoặc **Không có ý kiến** và gửi Phiếu lấy ý kiến về Công ty cổ phần Cấp nước Sơn La đúng thời gian quy định.

V. THỜI HẠN GỬI PHIẾU VỀ CÔNG TY

Cổ đông vui lòng gửi lại Phiếu lấy ý kiến trước 17 giờ 00' ngày 29/12/2025 (theo dấu bưu điện) tại địa chỉ: Văn phòng Công ty cổ phần Cấp nước Sơn La số 55 đường Tô Hiệu, tỉnh Sơn La hoặc qua fax, Email: ANHVULe.qh@gmail.com.

Sơn La, ngày 08 tháng 12 năm 2025
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT



CÓ ĐỒNG

(Ký, ghi rõ họ tên; đóng dấu nếu là tổ chức)

Số: 4582/SXD-QLXD

Sơn La, ngày 06 tháng 11 năm 2025

V/v thông báo kết quả thẩm định
Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu
tư xây dựng dự án Nhà máy
nước Chiềng Dong và các tuyến
ống truyền tải nước sạch kết nối
thành phố Sơn La và huyện Mai
Sơn (nay là các xã Chiềng Mai,
Chiềng Mung, Mai Sơn và
phường Chiềng Sinh)

Kính gửi: Công ty cổ phần cấp nước Sơn La
(địa chỉ: Số 55, đường Tô Hiệu, phường Tô Hiệu, tỉnh Sơn La)

Căn cứ Luật Xây dựng năm 2014; Luật Sửa, đổi bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020; Luật Đầu tư năm 2020;

Căn cứ Luật Đường bộ năm 2024; Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; Nghị định 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư; Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng; Nghị định số 165/2024/NĐ-CP ngày 26/12/2024 của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đường bộ và Điều 77 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ; Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 06/2021/TT-BXD ngày 30/6/2021 của Bộ Xây dựng về phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng trong quản lý hoạt động đầu tư xây dựng; Thông tư số 52/2024/TT-BYT của Bộ Y tế về việc ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và quy định kiểm tra, giám sát chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt; Thông tư số 41/2024/TT-BGTVT ngày 15/11/2024 của Bộ Giao thông vận tải (nay là Bộ Xây dựng) về ban hành quy định về quản lý, vận hành, khai thác và bảo trì kết cấu hạ tầng đường bộ;

Căn cứ Quyết định số 2488/QĐ-UBND ngày 10/10/2021 của UBND tỉnh Sơn La về việc quyết định chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư; Quyết định số 159/QĐ-UBND ngày 25/01/2022 của UBND tỉnh Sơn La về việc

chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư; Quyết định số 1865/QĐ-UBND ngày 25/7/2025 của UBND tỉnh Sơn La về việc phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Nhà máy nước Chiềng Dong và các tuyến ống truyền tải nước sạch kết nối thành phố Sơn La và huyện Mai Sơn (*nay là các xã Chiềng Mai, Chiềng Mung, Mai Sơn và phường Chiềng Sinh*);

Căn cứ Công văn số 2655/SCT-QLCN ngày 05/11/2025 của Sở Công Thương về việc thông báo kết quả thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi-Hạng mục cấp điện cho nhà máy cấp nước Chiềng Dong;

Căn cứ Báo cáo kết quả thẩm tra xây dựng số 02/2025/IWE-BCTTr ngày 09/5/2025 của Viện nước, tưới tiêu và môi trường thuộc Viện khoa học Thủy lợi Việt Nam; Báo cáo kết quả thẩm tra Báo cáo nghiên cứu khả thi số 13/10-01/2025/CV-VVC ngày 13/10/2025 của Công ty cổ phần tư vấn đầu tư và xây dựng Việt Vương; Báo cáo kết quả thẩm tra số 32/BCKQTTr-QTTB ngày 31/10/2025 của Công ty Cổ phần Quốc tế Tây Bắc;

Theo đề nghị của Công ty cổ phần cấp nước Sơn La tại Tờ trình số 837/2025/TTr-CN ngày 28/10/2025 về việc thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án Nhà máy nước Chiềng Dong và các tuyến ống truyền tải nước sạch kết nối thành phố Sơn La và huyện Mai Sơn (*nay là các xã Chiềng Mai, Chiềng Mung, Mai Sơn và phường Chiềng Sinh*);

Sau khi xem xét và tổ chức thẩm định, Sở Xây dựng thông báo kết quả thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án Nhà máy nước Chiềng Dong và các tuyến ống truyền tải nước sạch kết nối thành phố Sơn La và huyện Mai Sơn (*nay là các xã Chiềng Mai, Chiềng Mung, Mai Sơn và phường Chiềng Sinh*) như sau:

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN

1. Tên dự án: Nhà máy nước Chiềng Dong và các tuyến ống truyền tải nước sạch kết nối thành phố Sơn La và huyện Mai Sơn (*nay là các xã Chiềng Mai, Chiềng Mung, Mai Sơn và phường Chiềng Sinh*).

2. Nhóm dự án, loại, cấp công trình

- Dự án nhóm B;
- Công trình Hạ tầng kỹ thuật, cấp II; công trình dân dụng cấp III; Công trình năng lượng đường dây và trạm biến áp, cấp IV.

3. Quyết định chủ trương đầu tư: UBND tỉnh Sơn La.

4. Người quyết định đầu tư: Hội đồng quản trị Công ty cổ phần cấp nước Sơn La.

5. Chủ đầu tư: Công ty cổ phần cấp nước Sơn La.

6. Vốn đầu tư dự án: Nguồn vốn doanh nghiệp công ty và các nguồn huy động hợp pháp khác.

7. Địa điểm xây dựng: Các xã Chiềng Mai, Chiềng Mung, Mai Sơn và phường Chiềng Sinh.

8. Giá trị tổng mức đầu tư trình thẩm định: 260,456 tỷ đồng (*theo Tờ trình*

số 837/2025/TTr-CN ngày 28/10/2025 của Công ty cổ phần cấp nước Sơn La).

9. Thời gian thực hiện: Năm 2023-2025.

10. Quy chuẩn, tiêu chuẩn áp dụng

10.1. Quy chuẩn

- QCVN 01-2021/BXD: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng;
- QCVN 01-1:2024/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt;
- QCVN 02-2022/BXD: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, số liệu điều kiện tự nhiên dùng trong xây dựng;
- QCVN 03-2022/BXD: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về phân cấp công trình phục vụ thiết kế xây dựng;
- QCVN 04-05-2022/BNNT: Công trình thủy lợi-Các quy định chủ yếu về thiết kế;
- QCVN 05-2008/BXD: Nhà ở và công trình công cộng-an toàn sinh mạng và sức khỏe;
- QCVN 06-2022/BXD: Quy chuẩn quốc gia về an toàn cháy cho nhà và công trình; Quy chuẩn sửa đổi 1:2023 QCVN 06:2022/BXD về an toàn cháy cho nhà và công trình;
- QCVN 07-2023/BXD: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về hệ thống các công trình hạ tầng kỹ thuật;
- QCVN 09-2017/BXD: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về công trình xây dựng sử dụng năng lượng hiệu quả;
- QCVN 12-2014/BXD: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về hệ thống điện của nhà ở và công trình công cộng;
- QCVN 14-2025/BNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt và nước thải đô thị, khu dân cư tập trung;
- QCVN 16-2023/BXD: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng;
- QCVN 18-2021/BXD: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia an toàn trong thi công xây dựng;
- QCVN 01-2020/BCT: Quy chuẩn quốc gia về an toàn điện.

10.2. Tiêu chuẩn khảo sát, thí nghiệm

- TCVN 4419-1987: Khảo sát xây dựng-Nguyên tắc cơ bản;
- TCXD 112-1984: Hướng dẫn thực hành khảo sát đất xây dựng bằng thiết bị mới và sử dụng tài liệu thiết kế công trình;
- TCVN 9398-2012: Công tác trắc địa trong xây dựng công trình-Yêu cầu chung;
- TCVN 9401-2012: Tiêu chuẩn đo và xử lý số liệu GPS trong trắc địa xây dựng-yêu cầu chung;
- TCVN 9402-2012: Chỉ dẫn kỹ thuật công tác khảo sát địa chất công trình

cho xây dựng vùng Các-tơ;

- TCVN 9437-2012: Khoan thăm dò địa chất công trình;
- TCVN 2683-2012: Đất xây dựng-Lấy mẫu, bao gói, vận chuyển và bảo quản mẫu đất;
- TCVN 4195-2012: Đất xây dựng-Phương pháp xác định khối lượng riêng trong phòng thí nghiệm;
- TCVN 4196-2012: Đất xây dựng-Phương pháp xác định độ ẩm và hút ẩm của đất trong phòng thí nghiệm;
- TCVN 4197-2012: Đất xây dựng-Phương pháp xác định giới hạn dẻo và giới hạn chảy trong phòng thí nghiệm;
- TCVN 4198-2014: Đất xây dựng-Các phương pháp xác định thành phần hạt trong phòng thí nghiệm;
- TCVN 4199-1995: Đất xây dựng-Phương pháp xác định sức chống cắt ở máy cắt phẳng phòng thí nghiệm;
- TCVN 9351-2012: Đất xây dựng-Phương pháp thí nghiệm hiện trường-Thí nghiệm xuyên tiêu chuẩn SPT;
- TCVN 4200-2012: Đất xây dựng-Phương pháp xác định tính nén lún phòng thí nghiệm;
- TCVN 4202-2012: Đất xây dựng-Phương pháp xác định khối lượng thể tích trong phòng thí nghiệm;
- TCVN 7572-2006: Thí nghiệm mẫu cơ lý đá.

10.3. Tiêu chuẩn thiết kế

- TCVN 4319-2012: Nhà và công trình công cộng-Nguyên tắc cơ bản để thiết kế;
- TCVN 9137-2023: Công trình thủy lợi- Đập bê tông và bê tông cốt thép-Yêu cầu thiết kế;
- TCVN 9154-2012: Công trình thủy lợi- Quy trình tính toán đường hầm thủy lợi;
- TCVN 9160-2012: Công trình thủy lợi- Yêu cầu thiết kế dẫn dòng trong xây dựng;
- TCVN 4118-2021: Công trình thủy lợi- Hệ thống dẫn, chuyển nước- Yêu cầu thiết kế;
- TCVN 2737-2023: Tải trọng và tác động-Tiêu chuẩn thiết kế;
- TCVN 5573-2011: Kết gạch đá và gạch đá cốt thép-Tiêu chuẩn thiết kế;
- TCVN 5574-2018: Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép-Tiêu chuẩn thiết kế;
- TCVN 5575-2024: Kết cấu thép-Tiêu chuẩn thiết kế;
- Bộ tiêu chuẩn TCVN 1651-2018: Thép cốt bê tông;
- TCVN 11231-2015 (ISO 5002-2013): Thép lá cacbon cán nóng và cán nguội mạ kẽm điện phân chất lượng thương mại và dập vuốt;
- TCVN 6525-2018: Thép cacbon tấm mỏng chất lượng kết cấu được mạ

kẽm và hợp kim kẽm-sắt nhúng nóng liên tục;

- Tiêu chuẩn 10355-2018: Thép các bon tấm mỏng chất lượng thương mại và chất lượng dập vuốt mạ kẽm và hợp kim kẽm-sắt nhúng nóng liên tục;

- TCVN 4732-2016: Đá ốp, lát đá tự nhiên;

- TCVN 9362-2012: Tiêu chuẩn thiết kế nền nhà và công trình;

- TCVN 9379-2012: Kết cấu xây dựng và nền-Nguyên tắc cơ bản về tính toán;

- TCVN 9206-2012: Lắp đặt thiết bị điện trong nhà ở và công trình công cộng-Tiêu chuẩn thiết kế;

- TCVN 9207-2012: Lắp đặt đường dẫn điện trong nhà ở và công trình công cộng-Tiêu chuẩn thiết kế;

- TCVN 5928-2012: Lắp đặt đường dẫn điện trong nhà ở và công trình công cộng-Tiêu chuẩn thiết kế;

- TCVN 5935-2013 (IEC 60502-2009): Tiêu chuẩn về cáp điện;

- Tiêu chuẩn IEC 60364: Lắp đặt điện trong công trình xây dựng;

- Bộ TCVN 7447 (IEC 60364) Hệ thống lắp đặt điện hạ áp;

- TCVN 3890-2023: Phương tiện phòng cháy và chữa cháy cho nhà và công trình-Trang bị, bố trí, kiểm tra, bảo dưỡng;

- TCVN 2622-1995: Phòng cháy, chống cháy cho nhà và công trình-Yêu cầu thiết kế;

- TCVN 9385-2012: Chống sét cho công trình xây dựng-Hướng dẫn thiết kế, kiểm tra và bảo trì hệ thống;

- TCVN 9888-1:2013 (IEC 62305-1:2010) về bảo vệ chống sét-Phần 1: Nguyên tắc chung;

- TCVN 9404-2012: Sơn xây dựng-Phân loại;

- TCVN 9406-2012: Sơn-Phương pháp không phá hủy xác định chiều dày màng sơn khô;

- TCVN 9366-2012: Cửa đi, cửa sổ-phần 2 cửa kim loại;

- TCVN 5576-1991: Hệ thống thoát nước-Quy phạm quản lý kỹ thuật;

- TCVN 13606-2023: Cấp nước-mạng lưới đường ống và công trình yêu cầu thiết kế;

- TCVN 4513-88: Tiêu chuẩn thiết kế cấp nước bên trong;

- TCVN 4474-87: Tiêu chuẩn thiết kế thoát nước bên trong;

- Bộ TCVN 7305-2008: Hệ thống ống nhựa-ống Polyetylen (PE) và phụ tùng dùng để cấp nước;

- TCVN 7957-2008: Thoát nước-Mạng lưới và công trình bên ngoài-Tiêu chuẩn thiết kế;

- Các quy chuẩn, tiêu chuẩn khác và tài liệu ngành Điện: Theo Công văn số 2655/SCT-QLCN ngày 05/11/2025 của Sở Công Thương về việc thông báo kết quả thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi-Hạng mục cấp điện cho nhà máy cấp

nước Chiềng Dong;

- Các quy chuẩn, tiêu chuẩn khác có liên quan.

11. Nhà thầu khảo sát địa hình, địa chất: Liên danh công ty cổ phần xây dựng và thương mại 182 và Công ty cổ phần tư vấn xây dựng 488, địa chỉ: Số 94E, đường Nguyễn Lương Bằng, tổ 3, phường Tô Hiệu, tỉnh Sơn La.

12. Nhà thầu lập Báo cáo nghiên cứu khả thi: Công ty cổ phần Nước và Môi trường Việt Nam, địa chỉ: Số 5, đường Thành, phường Cửa Đông, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội (*nay là phường Cửa Đông, thành phố Hà Nội*).

13. Nhà thầu thẩm tra thiết kế xây dựng

- Viện nước, tưới tiêu và môi trường thuộc Viện khoa học Thủy lợi Việt Nam (*thẩm tra hạng mục tuyến ống nước thô qua hầm Tuynel thuộc dự án*), địa chỉ: Số 2, ngõ 165 phố Chùa Bộc, phường Trung Liệt, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội (*nay là phường Đống Đa, thành phố Hà Nội*);

- Công ty cổ phần tư vấn đầu tư và xây dựng Việt Vương, địa chỉ: LK11-38, Khu đô thị mới Văn Khê, phường La Khê, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội (*nay là phường Hà Đông, thành phố Hà Nội*);

- Công ty cổ phần Quốc tế Tây Bắc (*thẩm tra hạng mục đường dây và trạm biến áp*); địa chỉ: Số nhà 32 ngõ 61, đường Lê Đức Thọ, tổ 13, phường Tô Hiệu, thành phố Sơn La.

14. Các thông tin khác: Dự án có thực hiện bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng.

II. HỒ SƠ TRÌNH THẨM ĐỊNH

1. Văn bản pháp lý

- Công văn số 4539/CĐBVN-QLBT ngày 09/9/2025 của Cục Đường bộ Việt Nam về việc xây dựng đường ống cấp nước trong phạm vi bảo vệ KCHTGTĐB QL.6 địa phận xã Chiềng Mung và xã Mai Sơn tỉnh Sơn La;

- Nghị quyết số 33/NQ-HĐND ngày 01/11/2021 của HĐND tỉnh Sơn La về việc thông qua danh mục bổ sung các công trình, dự án nhà nước thu hồi đất để thực hiện các dự án đầu tư năm 2021 trên địa bàn tỉnh;

- Nghị quyết số 34/NQ-HĐND ngày 01/11/2021 của HĐND tỉnh Sơn La về việc thông qua danh mục bổ sung các công trình, dự án chuyển mục đích đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ để thực hiện các dự án đầu tư năm 2021 trên địa bàn tỉnh;

- Nghị quyết số 234/QĐ-UBND ngày 04/10/2023 của UBND tỉnh Sơn La về việc thông qua danh mục điều chỉnh, bổ sung diện tích, loại đất của dự án nhà nước thu hồi đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất đã được HĐND tỉnh thông qua tại các Nghị quyết;

- Quyết định số 2488/QĐ-UBND ngày 10/10/2021 của UBND tỉnh Sơn La về việc quyết định chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư;

- Quyết định số 159/QĐ-UBND ngày 25/01/2022 của UBND tỉnh Sơn La về việc chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư;

- Quyết định số 1865/QĐ-UBND ngày 25/7/2025 của UBND tỉnh Sơn La về việc phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Nhà máy nước Chiềng Dong và các tuyến ống truyền tải nước sạch kết nối thành phố Sơn La và huyện Mai Sơn;

- Công văn số 297/UBND-KT ngày 17/01/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Sơn La về việc đầu tư xây dựng dự án trong phạm vi bảo vệ của hệ thống thủy lợi Nà Sản;

- Quyết định số 134/QĐ-UBND ngày 12/01/2024 của UBND huyện Mai Sơn về việc phê duyệt quy hoạch tổng mặt bằng xây dựng Nhà máy nước Chiềng Dong;

- Quyết định số 99/QĐ-UBND ngày 07/8/2025 của UBND xã Chiềng Mung về việc chuyển mục đích sử dụng đất cho Công ty cổ phần cấp nước Sơn La thuê đất để thực hiện dự án Nhà máy nước Chiềng Dong và các tuyến ống truyền tải nước sạch kết nối thành phố Sơn La và huyện Mai Sơn;

- Quyết định số 1040/QĐ-UBND ngày 13/6/2023 của UBND huyện Mai Sơn về việc thu hồi đất để thực hiện dự án Nhà máy nước Chiềng Dong và các tuyến ống truyền tải nước sạch kết nối thành phố Sơn La và huyện Mai Sơn;

- Quyết định số 1041/QĐ-UBND ngày 13/6/2023 của UBND huyện Mai Sơn về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư để thực hiện dự án Nhà máy nước Chiềng Dong và các tuyến ống truyền tải nước sạch kết nối thành phố Sơn La và huyện Mai Sơn;

- Quyết định số 3610/QĐ-UBND ngày 07/11/2023 của UBND huyện Mai Sơn về việc phê duyệt thu hồi đất để thực hiện dự án Nhà máy nước Chiềng Dong và các tuyến ống truyền tải nước sạch kết nối thành phố Sơn La và huyện Mai Sơn;

- Quyết định số 3611/QĐ-UBND ngày 07/11/2023 của UBND huyện Mai Sơn về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư để thực hiện dự án Nhà máy nước Chiềng Dong và các tuyến ống truyền tải nước sạch kết nối thành phố Sơn La và huyện Mai Sơn;

- Quyết định số 391/QĐ-HĐQT ngày 26/10/2021 của Công ty cổ phần cấp nước Sơn La về việc triển khai thực hiện đầu tư xây dựng dự án Nhà máy nước Chiềng Dong và các tuyến ống truyền tải nước sạch kết nối thành phố Sơn La và huyện Mai Sơn;

- Quyết định số 330/2023/QĐ-NSL-HĐQT ngày 16/6/2023 của Công ty cổ phần cấp nước Sơn La về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu tư vấn khảo sát địa hình, khảo sát địa chất phục vụ bước lập Báo cáo nghiên cứu khả thi và thiết kế bản vẽ thi công xây dựng Nhà máy nước Chiềng Dong và các tuyến ống truyền tải nước sạch kết nối thành phố Sơn La và huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La;

- Quyết định số 354/QĐ-NSL-HĐQT ngày 06/7/2023 của Công ty cổ phần cấp nước Sơn La về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu cho gói thầu tư vấn lập báo cáo nghiên cứu khả thi xây dựng Nhà máy nước Chiềng Dong và các tuyến ống truyền tải nước sạch kết nối thành phố Sơn La và huyện Mai Sơn; lập thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng Nhà máy nước Chiềng Dong và các tuyến ống truyền tải nước sạch kết nối thành phố Sơn La và huyện Mai Sơn,

tỉnh Sơn La;

- Quyết định số 234.1/QĐ-CN ngày 14/4/2025 của Công ty cổ phần cấp nước Sơn La về việc phê duyệt đơn vị tư vấn thực hiện thẩm tra hạng mục Tuyến ống nước thô lấy nước van xả hạ lưu hồ Chiềng Dong đi qua hầm tuynel trong giai đoạn thiết kế cơ sở dự án Nhà máy nước Chiềng Dong và các tuyến ống truyền tải nước sạch kết nối thành phố Sơn La và huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La;

- Quyết định số 329/2025/QĐ-NSL-HĐQT ngày 27/5/2025 của Công ty cổ phần cấp nước Sơn La về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu tư vấn thẩm tra Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án Nhà máy nước Chiềng Dong và các tuyến ống truyền tải nước sạch kết nối thành phố Sơn La và huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La;

- Quyết định số 782.1/QĐ-CN ngày 29/10/2025 của Công ty cổ phần cấp nước Sơn La về việc phê duyệt đơn vị tư vấn thực hiện thẩm tra hạng mục cấp điện (*đường dây và trạm biến áp*) thuộc dự án Nhà máy nước Chiềng Dong và các tuyến ống truyền tải nước sạch kết nối thành phố Sơn La và huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La;

- Công văn số 3120/SXD-KCHT ngày 20/8/2025 của Sở Xây dựng về việc chấp thuận xây dựng, lắp đặt công trình: Lắp đặt tuyến ống truyền tải nước sạch HDPE D225 mm thuộc dự án Nhà máy nước Chiềng Dong và các tuyến ống truyền tải nước sạch kết nối thành phố Sơn La và huyện Mai Sơn (*nay là các xã Chiềng Mai, Chiềng Mung, Mai Sơn và phường Chiềng Sinh, tỉnh Sơn La*) đoạn từ Km9+510÷Km10+790 (T) trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng đường QL.4G;

- Công văn số 3121/SXD-KCHT ngày 20/8/2025 của Sở Xây dựng về việc chấp thuận xây dựng, lắp đặt công trình: Lắp đặt tuyến ống truyền tải nước sạch HDPE D225 mm thuộc dự án Nhà máy nước Chiềng Dong và các tuyến ống truyền tải nước sạch kết nối thành phố Sơn La và huyện Mai Sơn (*nay là các xã Chiềng Mai, Chiềng Mung, Mai Sơn và phường Chiềng Sinh, tỉnh Sơn La*) đoạn từ Km290+040÷Km291+635 (T) thuộc tuyến đường QL.6 cũ địa phận phường Chiềng Sinh, tỉnh Sơn La;

- Công văn số 667/UBND-KT ngày 04/11/2025 của UBND xã Mai Sơn về việc chấp thuận xây dựng đường ống cấp nước trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đoạn tuyến đường Trần Quốc Hoàn, Hà Văn Ấng thuộc địa phận xã Mai Sơn tỉnh Sơn La;

- Công văn số 105/KVMS-KHKT ngày 06/8/2025 của Đội quản lý Điện lực khu vực Mai Sơn-Yên Châu về việc chấp thuận cấp nguồn điện cho Dự án Nhà máy nước Chiềng Dong và các tuyến ống truyền tải nước sạch kết nối thành phố Sơn La và huyện Mai Sơn;

- Công văn số 269/UBND-KT ngày 31/8/2025 của UBND xã Chiềng Mai về việc chấp thuận chủ trương cho phép thiết kế xây dựng công trình hạ tầng: Lắp đặt tuyến ống nước thô HDPE D450 mm thuộc dự án Nhà máy nước Chiềng Dong và các tuyến ống truyền tải nước sạch kết nối thành phố Sơn La và huyện Mai Sơn (*nay là các xã Chiềng Mai, Chiềng Mung, Mai Sơn và phường Chiềng Sinh, tỉnh Sơn La*) đoạn từ Ngã ba Chiềng Mai đi vào đến đường vào cửa hầm thủy lợi Nà

Sản thuộc tuyến đường xã Chiềng Mai, tỉnh Sơn La;

- Các văn bản khác có liên quan.

2. Hồ sơ, tài liệu dự án, khảo sát, thiết kế

- Hồ sơ khảo sát địa hình, địa chất xây dựng công trình: Nhiệm vụ, phương án kỹ thuật, nhật ký khoan khảo sát địa chất, Báo cáo kết quả khảo sát địa hình, địa chất (*kèm theo tập kết quả thí nghiệm chỉ tiêu cơ lý đất, đá*);

- Thuyết minh nhiệm vụ thiết kế;
- Thuyết minh Báo cáo nghiên cứu khả thi, thiết kế cơ sở; phụ lục các bảng tính toán kết cấu công trình;
- Hồ sơ thiết kế cơ sở;
- Báo cáo kết quả thẩm tra;
- Hồ sơ bản vẽ quy hoạch liên quan đến dự án.

3. Hồ sơ năng lực các nhà thầu tham gia dự án, cụ thể:

3.1. Nhà thầu khảo sát địa hình, địa chất công trình: Liên danh công ty cổ phần xây dựng và thương mại 182 và Công ty cổ phần tư vấn xây dựng 488, trong đó:

- Công ty cổ phần xây dựng và thương mại 182, chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng số SOL-0003568 do Sở Xây dựng Sơn La cấp ngày 10/7/2020;
- Công ty cổ phần tư vấn xây dựng 488, chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng số SOL-00032620 do Sở Xây dựng Sơn La cấp ngày 01/10/2021;
- Chủ trì khảo sát địa hình, địa chất: Bùi Đức Hiệp, chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng số SOL-00081731 do Sở Xây dựng Sơn La cấp ngày 11/11/2024.

3.2. Nhà thầu lập Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án: Công ty cổ phần Nước và Môi trường Việt Nam, chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng số BXD-00004186 do Cục Quản lý hoạt động xây dựng, Bộ Xây dựng cấp ngày 30/9/2022, các cá nhân chủ nhiệm, chủ trì tham gia thiết kế gồm:

- Chủ nhiệm thiết kế: Lê Văn Đức, chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng số BXD-00011607 do Cục Quản lý hoạt động xây dựng, Bộ Xây dựng cấp ngày 30/11/2022;
- Chủ trì thiết kế hạ tầng kỹ thuật: Phạm Hoàng Trung, chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng số BXD-00011602 do Cục Quản lý hoạt động xây dựng, Bộ Xây dựng cấp ngày 28/10/2022;
- Chủ trì thiết kế kết cấu: Vũ Trọng Tiến, chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng số BXD-00111094 do Cục Quản lý hoạt động xây dựng, Bộ Xây dựng cấp ngày 20/02/2024;
- Chủ trì thiết kế cơ-điện: Trần Đức Hùng, chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng số BXD-00011609 do Cục Quản lý hoạt động xây dựng, Bộ Xây dựng cấp ngày 29/12/2022;
- Chủ trì thiết kế giao thông: Hứa Việt Anh, chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng số BXD-00011587 do Cục Quản lý hoạt động xây dựng, Bộ Xây

dựng cấp ngày 29/12/2022;

- Chủ trì thiết kế phần điện (*đường dây và trạm biến áp*): Vũ Trọng Hiệp, chứng chỉ hành nghề số HNT-00186110 do Hiệp hội các nhà thầu xây dựng Việt Nam cấp ngày 02/5/2024;

- Chủ trì lập tổng mức đầu tư: Ngô Bảo Hòa, chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng số BXD-00011612 do Cục Quản lý hoạt động xây dựng, Bộ Xây dựng cấp ngày 30/11/2022.

3.3. Nhà thầu thẩm tra Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án

- Công ty cổ phần tư vấn, đầu tư và xây dựng Việt Vương (*thẩm tra tổng thể dự án, trừ hạng mục đường dây và trạm biến áp*), chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng số BXD-00000117 do Cục Quản lý hoạt động xây dựng, Bộ Xây dựng cấp ngày 02/11/2022. Các cá nhân chủ nhiệm, chủ trì tham gia thẩm tra thiết kế gồm:

+ Chủ nhiệm thẩm tra: Nguyễn Bình Nam, chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng số BXD-00030776 do Cục Quản lý hoạt động xây dựng, Bộ Xây dựng cấp ngày 12/09/2023;

+ Chủ trì thẩm tra phần công nghệ: Chu Thị Hải Yến, chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng số BXD-00011578 do Cục Quản lý hoạt động xây dựng, Bộ Xây dựng cấp ngày 30/11/2022;

+ Chủ trì thẩm tra kết cấu xây dựng hạ tầng kỹ thuật: Phạm Tiến Kỳ, chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng số THX-00081297 do Tổng hội xây dựng Việt Nam cấp ngày 02/11/2021;

+ Chủ trì thẩm tra cơ-điện: Đoàn Công Tuấn, chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng số HNT-00017087 do Hiệp hội các nhà thầu xây dựng Việt Nam cấp ngày 05/10/2021;

+ Chủ trì thẩm tra tổng mức đầu tư: Mùi Thị Thơm, chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng số KTE-00176890 do Hiệp kinh tế xây dựng Việt Nam cấp ngày 05/10/2021;

- Viện nước, tưới tiêu và môi trường thuộc Viện khoa học Thủy lợi Việt Nam, chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng số HNA-00023136 do Sở Xây dựng thành phố Hà Nội cấp ngày 27/3/2020 (*thẩm tra hạng mục tuyến ống nước thô qua hầm Tuynel thuộc dự án*). Các cá nhân chủ nhiệm, chủ trì tham gia thẩm tra thiết kế gồm:

+ Chủ nhiệm thẩm tra: Lý Hồng Việt, chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng số HNT-00122257 do Hiệp hội các nhà thầu xây dựng Việt Nam cấp ngày 05/10/2021;

+ Chủ trì thẩm tra: Phạm Tiến Kỳ, chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng số BXD-00081297 do Cục Quản lý hoạt động xây dựng, Bộ Xây dựng cấp ngày 12/02/2025;

- Công ty cổ phần Quốc tế Tây Bắc (*thẩm tra hạng mục đường dây và trạm biến áp*), chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng số SOL-0005218 do Sở Xây dựng Sơn La cấp ngày 08/11/2022, cấp điều chỉnh ngày 09/8/2023. Chủ trì thẩm

tra thiết kế: Đặng Minh Hoàng, chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng số HNT-00117956 do Hiệp hội các nhà thầu xây dựng Việt Nam cấp ngày 30/5/2022.

III. NỘI DUNG CHÍNH HỒ SƠ DỰ ÁN TRÌNH THẨM ĐỊNH

1. Quy mô dự án

Dự án khai thác nguồn nước mặt từ hồ thủy lợi Chiềng Dong để xử lý và cung cấp cho thành phố Sơn La và huyện Mai Sơn (*nay là các xã Chiềng Mai, Chiềng Mung, Mai Sơn và phường Chiềng Sinh, tỉnh Sơn La*) có quy mô công suất 14.000 m³/ngày đêm và bao gồm các hạng mục đầu tư sau:

1.1. Tuyến ống dẫn nước thô: Tổng chiều dài khoảng 5,7 km, có công suất truyền tải là 14.000 m³/ngày đêm;

1.2. Nhà máy nước Chiềng Dong

- Công suất: Tổng công suất xử lý 14.000 m³/ngày đêm.

- Địa điểm xây dựng nhà máy: Tại bản Xum, xã Chiềng Mung, tỉnh Sơn La, tổng quy mô sử dụng đất khoảng 1,2 ha;

- Các hạng mục đầu tư xây dựng chủ yếu bao gồm:

+ Xây dựng bể chứa nước thô thể tích khoảng 934 m³;

+ Lắp đặt thiết bị trộn tĩnh (*Static Mixer*) có kích thước DN650 mm, đầu tư 1 lần phục vụ cho cả 2 giai đoạn của dự án;

+ Lắp đặt 01 Modul xử lý bao gồm 04 cụm thiết bị phản ứng - lắng lamen - lọc tự rửa có tổng công suất 10.000 m³/ngày đêm (*mỗi thiết bị có công suất xử lý 2.500 m³/ngày đêm*);

+ Lắp đặt 01 bể chứa nước sạch; bể chứa sử dụng bể dạng thiết bị lắp ghép, vật liệu bằng thép phủ thủy tinh, có dung tích 2.000 m³; bể dạng hình tròn, đường kính D25,6 m, chiều cao H=4,27 m;

+ Xây dựng nhà hành chính: Nhà 1 tầng, diện tích xây dựng khoảng 145 m²;

+ Xây dựng nhà hóa chất kết hợp kho phục vụ cho cả 2 giai đoạn của nhà máy nước: Nhà 1 tầng, diện tích xây dựng khoảng 143 m²;

+ Khu đặt bơm nước sạch: Lắp đặt 2 bơm ly tâm trục ngang có thông số Q=585 m³/h; H=15 m;

+ Xây dựng 02 bể thu hồi nước rửa lọc và bùn hợp khối, kích thước thông thủy mỗi bể là BxL=(4,0x12,0) m;

+ Xây dựng 02 bể nén bùn, mỗi bể có kích thước (2,2x2,2x5,5) m; lắp đặt bơm và các đường ống công nghệ;

+ Xây dựng nhà đặt máy ép bùn: Nhà 1 tầng, diện tích xây dựng khoảng 119,5 m²;

+ Xây dựng hệ thống đường dây và trạm biến áp: Xây dựng mới 70 m đường dây 35 kV từ trạm biến áp (TBA) Bản Xum 2 đến TBA xây dựng mới; xây dựng mới 01 TBA với công suất 180 kVA cấp điện cho dự án; xây dựng mới 660 m đường dây hạ thế cấp điện cho dự án;

+ Các hạng mục phụ trợ: San nền, kè chắn đất, cống, tường rào, hệ thống giao thông, thoát nước, điện chiếu sáng, hồ cảnh quan,...

1.3. Tuyến ống truyền tải nước sạch: Tuyến ống truyền tải nước sạch có tổng chiều dài khoảng 20 km, từ Nhà máy nước Chiềng Dong đến xí nghiệp cấp nước Mai Sơn (*xã Mai Sơn*) và đến trạm bơm tăng áp Km10 (*phường Chiềng Sinh*).

2. Các giải pháp thiết kế chủ yếu

2.1. Tuyến ống dẫn nước thô

2.2.1. Về đặc điểm tuyến ống

- Hướng tuyến được lựa chọn dựa trên các tiêu chí: Chiều dài tuyến ngắn nhất; tận dụng sự tự chảy từ địa hình để giảm chi phí điện năng vận hành bơm; thuận tiện trong quá trình thi công, vận hành và bảo trì tuyến ống; hạn chế tối đa việc thu hồi đất, đền bù, giải phóng mặt bằng; hạn chế giao cắt với các chương ngại vật (*sông, hồ, ao...*), các công trình hạ tầng kỹ thuật khác; tuyến ống đặt trong vùng có điều kiện địa chất ổn định, địa hình thuận lợi nhằm giảm chi phí đào đắp, gia cố nền móng, tạo điều kiện thuận lợi cho tuyến ống làm việc ổn định, lâu dài;

- Điểm nguồn: Điểm lấy nước tại hồ Chiềng Dong, vị trí lấy nước tại vị trí nhà van cấp nước DN700 của hồ, tại vị trí này có lắp đặt đồng hồ đo lưu lượng khi lấy nước; điểm cuối tại Nhà máy nước Chiềng Dong;

- Tuyến ống nước thô có tổng chiều dài khoảng 5,7 km, được chia làm 4 đoạn:

+ Đoạn 1: Điểm đầu từ nhà van cấp nước của hồ Chiềng Dong đến ngã ba Chiềng Mai với đường Quốc lộ 4G. Tuyến ống có chiều dài 1.820 m, đường kính DN450 mm, sử dụng vật liệu nhựa HDPE và thép đen;

+ Đoạn 2: Điểm đầu từ ngã ba Chiềng Mai với đường Quốc lộ 4G đến trước cửa hầm thủy lợi Bản Ban. Tuyến ống có chiều dài 1.651 m, đường kính DN450 mm, sử dụng vật liệu nhựa HDPE và thép đen;

+ Đoạn 3: Tuyến ống đi trong hầm tuynel, có chiều dài 1.700 m, đường kính DN400, sử dụng vật liệu nhựa HDPE;

+ Đoạn 4: Điểm đầu từ phía sau cửa hầm hạ lưu của tuynel dẫn nước của dự án thủy lợi Nà Sản đến nhà máy nước. Tuyến ống có chiều dài 510 m, đường kính DN450 mm, sử dụng vật liệu nhựa HDPE và thép đen.

2.2.2. Về giải pháp cấu tạo xây dựng cơ bản

a) Đầu nối trong nhà van lấy nước: Thiết kế đoạn ống và cút thép D450 xuyên qua tường nhà xây gạch dày 220 mm và tấm đan bê tông cốt thép dày 100 mm để thực hiện đầu nối nước với hồ thông qua nhà van lấy nước hiện trạng, chi tiết đục và hoàn trả 02 vị trí và cấu tạo đầu nối theo hồ sơ thiết kế cơ sở trình thẩm định;

b) Mương đào đặt ống

- Bề rộng mương đào tuyến ống tuân thủ theo tiêu chuẩn TCVN 4447:2012
- Công tác đất thi công và nghiệm thu. Bên dưới đáy ống đệm cát đen đầm chặt K=0,90, dày 100 mm. Quanh ống và phủ trên đỉnh ống dày 150 mm bằng cát

đen đầm chặt từng lớp $K=0,90$, phía trên đắp đất hoàn trả chọn lọc và trên cùng là kết cấu hoàn trả;

- Đối với ống có độ sâu móng đào $<1,5$ m: Đào mở mặt với hệ số mái dốc 1:0,3;

- Đối với ống có độ sâu móng đào $\geq 1,5$ m hoặc qua đường nhựa/ bê tông: Sử dụng cọc thép I (120x12) mm, khoảng cách $a=1$ m, kết hợp với tấm thép dày 5 mm để bảo vệ thành hố đào;

c) Kết cấu hoàn trả: Tại các khu vực giao cắt với đường hiện trạng thực hiện hoàn trả mặt đường theo hiện trạng, cụ thể: Bê tông xi măng B20 (mác 250) dày 20 cm/lót giấy dầu/ lớp cấp phối đá dăm loại 1, dày 15 cm/lớp đất đầm chặt $K \geq 0,95$, dày 30 cm/lớp đất nền đầm chặt $K=0,95$;

+ Kết cấu mặt đường bê tông nhựa: Lớp đá dăm láng nhựa 3 lớp dày 3,5 cm/ lớp cấp phối đá dăm loại 1, dày 11,5 cm/lớp cấp phối đá dăm loại 2, dày 20 cm/lớp đất đầm chặt $K \geq 0,98$, dày 30 cm/lớp đất nền đầm chặt $K=0,95$;

d) Gối đỡ cút ngang: Gối đỡ cho ống sử dụng bê tông B15 (mác 200), bê tông lót cấp độ bền B7,5 (mác 100) dày 10 cm. Cốt thép sử dụng thép CB-240T cho $\Phi < 10$ và CB-300V cho $\Phi \geq 10$;

đ) Hố van xả khí loại 1: Lót dưới đáy hố bằng đệm sỏi dày 10 cm, đáy bê tông xi măng cấp độ bền B15 (mác 200), dày 15 cm. Tường xây gạch không nung, cổ ga bằng bê tông xi măng cấp độ bền B12,5 (mác 150) và kê tấm đan cấp độ bền B15 (mác 200) đá 1x2 dày 80 mm. Cốt thép sử dụng thép CB-240T cho $\Phi < 10$ và CB-300V cho $\Phi \geq 10$;

e) Hố van xả cạn

- Các gối đỡ kê của hố van xả cạn sử dụng bê tông cấp độ bền B15 (mác 200), bê tông lót cấp độ bền B7,5 (mác 100) dày 10 cm;

- Hố xả cạn kích thước thông thủy (1,0x1,0) m: Chiều dày đáy bằng 250 mm, chiều dày thành bằng 200 mm; nắp đáy tấm đan dày 150 mm;

- Bê tông đáy, thành và tấm đan sử dụng bê tông cốt thép cấp độ bền B15 (mác 200), bê tông lót cấp độ bền B7,5 (mác 100) dày 10 cm. Cốt thép sử dụng thép CB-240T cho $\Phi < 10$ và CB-300V cho $\Phi \geq 10$;

g) Trụ đỡ ống qua suối

- Bề rộng suối xấp xỉ 61,0 m, thiết kế sử dụng 3 trụ đỡ ống vượt qua, khoảng cách mỗi trụ khoảng 15 m. Đáy trụ có kích thước (1,2x1,5x0,5) m, thân trụ có kích thước (0,4x0,7x2,975) m, chiều cao trụ bằng 3,475 m;

- Mỗi trụ sử dụng 04 cọc bê tông cốt thép đúc sẵn cấp độ bền B22,5 (mác 300) tiết diện (250x250) mm chiều dài dự kiến 6 m. Địa chất là giả thiết, trong giai đoạn thiết kế thi công cần phải có khảo sát địa chất tại đúng vị trí xây dựng;

- Trụ đỡ sử dụng bê tông cốt thép cấp độ bền B15 (mác 200), bê tông lót cấp độ bền B7,5 (mác 100) dày 100 mm. Cốt thép sử dụng thép CB-240T cho $\Phi < 10$ và CB-300V cho $\Phi \geq 10$;

h) Trụ đỡ ống qua cầu Chiềng Mai

- Bề rộng suối đoạn có ống đi qua khoảng 16 m, thiết kế sử dụng 02 trụ đỡ đỡ ống vượt qua. Khoảng cách giữa 2 trụ khoảng 15 m. Đáy trụ có kích thước (1,2x1,5x0,5) m, thân trụ có kích thước (0,4x0,7x3,0) m, chiều cao trụ bằng 3,5 m;

- Mỗi trụ sử dụng 04 cọc bê tông cốt thép đúc sẵn cấp độ bền B22,5 (mác 300), tiết diện (250x250) mm chiều dài dự kiến 6 m. Địa chất là giả thiết, trong giai đoạn thiết kế thi công cần phải có khảo sát địa chất tại đúng vị trí xây dựng;

- Trụ đỡ sử dụng bê tông cốt thép cấp độ bền B15 (mác 200), bê tông lót cấp độ bền B7,5 (mác 100) dày 100 mm. Cốt thép sử dụng thép CB-240T cho $\Phi < 10$ và CB-300V cho $\Phi \geq 10$;

i) Tuyến ống đi qua hầm dẫn nước: Tuyến ống đi trong hầm tuynel có tổng chiều dài khoảng 1.700 m, sử dụng vật liệu ống HDPE có đường kính DN400 mm, có các thông số, giải pháp cụ thể như sau:

* Thông số đường hầm tuynel

- Vị trí: Từ cuối kênh Bản Ban, đi xuyên qua núi Hoa Sơn để đưa nước vào cao nguyên Nà Sản. Điểm đầu tại bản Long Bận xã Chiềng Mai, điểm cuối tại Bản Xum 1, xã Chiềng Mung;

- Chế độ chảy trong hầm: Chảy không áp, dòng đều;

- Lưu lượng thiết kế $Q_{tk}=1,2 \text{ m}^3/\text{s}$;

- Chiều dài toàn bộ đường hầm $L=1.662 \text{ km}$;

- Kích thước $B \times H=(1,8 \times 2,1) \text{ m}$;

- Mặt cắt ngang: Hình chữ nhật + bán nguyệt;

- Độ dốc đáy hầm: 0,1%

- Hệ số nhám hầm: $n=0,015 + 0,028$;

- Bán kính vòm hầm $r=0,9 \text{ m}$;

- Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép;

- Tại cửa ra đường hầm bố trí 01 bể áp lực cho đường ống chính khu tưới;

* Giải pháp kỹ thuật thiết kế

- Sơ đồ hệ thống của thủy lợi Nà Sản: Nước Đập bản Ban - Kênh dẫn → Hầm dẫn nước → Bể áp lực - Đường ống dẫn;

- Trước cửa hầm vào là tuyến kênh dẫn từ đập bản Ban, có kích thước (1,2x1,7) m bằng cống hộp bê tông cốt thép;

- Sau cửa ra hầm là kênh dẫn kích thước (1,7x2) m nối với bể tạo áp lực và ra đường ống DN700 cấp cho hệ thống tưới Nà Sản;

- Tuyến ống đi từ hồ về đến cửa hầm dẫn nước sẽ lắp đặt tại vị trí trước cửa hầm ở Km0÷5 m tới cửa hầm;

- Tuyến ống đi ra cửa hầm sẽ ra khỏi kênh dẫn nước từ Km1+650 đến Km1+660 để không bị ảnh hưởng tới hạ lưu là bể tăng áp lực;

- Tuyến ống dẫn nước sẽ tác động lên hầm dẫn nước và không tác động lên thượng và hạ lưu của hầm dẫn nước;

- Phía cửa ra của hầm bố trí hệ thống ống, van khóa để điều tiết, cấp nước một phần về hạ lưu của hầm;

- Tuyến ống nước thô D400 được lắp đặt phía dưới đáy của hầm dẫn nước, độ dốc theo độ dốc tuyến hầm, vị trí tìm ống cách mép tường hầm phía bên phải (*theo hướng dòng chảy*) khoảng 0,45 m;

- Theo điều kiện lắp đặt và vận hành của tuyến ống dẫn nước thô, khi được lắp đặt đầy đủ các van thu xả khí, đường ống vận hành với áp lực tự do lớn nhất tại nhà máy nước Chiềng Dong là 46 m. Không có hiện tượng nước va (*tăng giảm áp đột ngột trên toàn tuyến ống*) do hệ thống tuyến ống dẫn nước thô hoạt động tự động do chênh lệch cột nước (*cao độ mực nước*) từ hồ nước Chiềng Dong về nhà máy nước Chiềng Dong và không có đột ngột mất áp lực trong tuyến truyền tải nước thô này;

- Do đường ống lắp đặt trên nền phẳng và ổn định, để tăng tính ổn định tuyến ống nước thô thiết kế lắp đặt các đai inox (60x6) mm cách nhau 3 m bó ống bắt bulong ghim chặt xuống nền hầm. Bulong sử dụng loại bu lông hóa chất Hilti M12 - L=110 mm, loại RE500-V3 (*loại dùng được trong môi trường ngập nước*);

k) Các giải pháp cấu tạo khác: Theo hồ sơ thiết kế cơ sở trình thẩm định.

2.2. Nhà máy nước Chiềng Dong

2.2.1. Bể chứa nước thô: Số lượng 01 bể; thể tích bể khoảng 934 m³; chức năng sơ lắng, tiếp xúc hoá chất để xử lý sơ bộ nguồn nước. Bể đổ bê tông cốt thép cấp độ bền B22,5 (mác 300), bê tông lót cấp độ bền B7,5 (mác 100) dày 10 cm. Cốt thép sử dụng thép CB-240T cho $\Phi < 10$ và CB-300V cho $\Phi \geq 10$. Hồ đồng hồ, hồ van kỹ thuật và hệ gổ đỡ ống bằng bê tông cốt thép cấp độ bền B20 (mác 250); các chi tiết khác theo hồ sơ thiết kế cơ sở.

2.2.2. Lắp đặt thiết bị trộn (*Static mixer*): Sử dụng thiết bị trộn tĩnh để trộn đều hóa chất, hóa chất để keo tụ là PAC; số lượng: 01 bộ; dải công suất hoạt động hiệu quả trong khoảng (10.000÷15.000) m³/ngày đêm; kết nối 2 đầu bằng liên kết mặt bích (*để thuận tiện trong việc tháo lắp, thay thế khi cần thiết*); trên thân có gắn các đầu ống để châm hóa chất.

2.2.3. Modul thiết bị xử lý phản ứng-lắng Lamen hợp khối với thiết bị lọc nhanh trọng lực tự rửa

a) Thiết bị phản ứng tạo bông cặn dạng thủy lực

- Số lượng: 06 thiết bị, trong đó giai đoạn 1 (*công suất 10.000 m³/ngày đêm*) lắp đặt 4 thiết bị và giai đoạn 2 (*nâng công suất lên 14.000 m³/ngày đêm*) lắp đặt thêm 2 thiết bị;

- Thiết bị dạng hình tròn là dạng thiết bị chế tạo sẵn bằng thép SS400 sơn phủ epoxy. Mỗi thiết bị có kích thước (2,6x6,4) m, đặt nổi trên mặt đất;

- Công suất của mỗi thiết bị: 2.500 m³/ngày đêm;

- Thời gian phản ứng khoảng (10÷20) phút.

- Cường độ phản ứng (*cường độ khuấy trộn*) khoảng từ 25 đến 70 s⁻¹;

b) Thiết bị lắng lamén

- Số lượng: 06 thiết bị, trong đó giai đoạn 1 (công suất 10.000 m³/ngày đêm) lắp đặt 4 thiết bị và giai đoạn 2 (nâng công suất lên 14.000 m³/ngày đêm) lắp đặt thêm 2 thiết bị;

- Thiết bị là dạng thiết bị chế tạo sẵn bằng thép SS400 sơn phủ epoxy. Mỗi thiết bị có kích thước (3,2x8,2x6,4) m, đặt nổi trên mặt đất;

- Công suất của mỗi thiết bị: 2.500 m³/ngày đêm;

- Tải trọng bề lửng: (60÷180) m³/m²/ngày;

- Tấm lửng đặt theo một góc nghiêng 45°÷60°;

- Thu gom cặn: Trong các chóp thu cặn ở đáy bể;

- Xả cặn: Thuỷ lực;

c) Thiết bị lọc tự rửa

- Số lượng: 06 thiết bị, trong đó giai đoạn 1 (công suất 10.000 m³/ngày đêm) lắp đặt 4 thiết bị và giai đoạn 2 (nâng công suất lên 14.000 m³/ngày đêm) lắp đặt thêm 2 thiết bị;

- Thiết bị là dạng thiết bị chế tạo sẵn bằng thép SS400 sơn phủ epoxy. Mỗi thiết bị có kích thước (3,8x4,7) m, đặt nổi trên mặt đất;

- Công suất của mỗi thiết bị: 2.500 m³/ngày đêm;

- Vận tốc lọc: (5÷7) m/h;

- Cường độ rửa lọc: (15÷18) l/s.m²;

- Chiều cao lớp vật liệu lọc: (1,5÷1,8) m;

- Vật liệu lọc: cát thạch anh;

d) Đầu tư thiết bị cột khung, mái che thiết bị: Bản đáy đỡ bê tông cốt thép cấp độ bền B22,5 (mác 300); hệ cột, kèo, mái che bằng thép định hình; các chi tiết khác theo hồ sơ thiết kế cơ sở trình thẩm định.

2.2.4. Bể chứa nước sạch: Sử dụng 01 bể chứa nước sạch dạng thiết bị lắp ghép, mỗi bể có đường kính khoảng 25,6 m, chiều cao 4,27 m; dung tích 2.000 m³; kết cấu bản đế móng bể bằng bê tông cốt thép cấp độ bền B22,5 (mác 300); thành bể bằng kết cấu thép tấm lớn; trụ đỡ mái, bể bằng thép định hình; mái bể sử dụng xà gồ thép hình, lợp tôn mạ kẽm dày 0,45 mm.

2.2.5. Xây dựng nhà hành chính

- Kiến trúc: Nhà 1 tầng; diện tích xây dựng khoảng 145 m²; chiều dài nhà 12,22 m; chiều rộng nhà 11,72 m; bước gian 4,0 m, 3,5 m; hành lang giữa rộng 4,5 m; cốt nền (±0,00) cao hơn mặt sân là +0,45 m; chiều cao từ cốt ±0,00 đến đỉnh mái +6,1 m; tường, dầm, trần lán sơn trực tiếp 03 nước; nền lát gạch granite kích thước (60x60) cm; cửa đi, cửa sổ bằng cửa nhôm định hình kính an toàn bảo vệ; một số vách kính và cửa đi khác sử dụng cửa kính cường lực. Các giải pháp khác: Thoát nước mái; cấp điện chiếu sáng, cấp nước sinh hoạt và các chi tiết khác theo hồ sơ thiết kế cơ sở trình thẩm định;

- Kết cấu: Móng, cột, dầm, sàn bằng bê tông cốt thép cấp độ bền B20 (mác 250); tường xây gạch vữa xi măng mác 50; trát tường, xà, dầm, giằng vữa xi

măng mác 75; mái: Xây tường thu hồi dày 110 mm/ giăng thu hồi bê tông cốt thép cấp độ bền B20/ xà gồ thép hình/ mái lợp tôn.

2.2.6. Xây dựng nhà hóa chất kết hợp kho

- Kiến trúc: Nhà 1 tầng; diện tích xây dựng khoảng 143 m²; chiều dài nhà 26,38 m; chiều rộng nhà 5,44 m; bước gian 3,4 m, 3,6 m, 3,92 m, 4,8 m; cốt nền ($\pm 0,00$) cao hơn mặt sân là +0,3 m; chiều cao từ cốt $\pm 0,00$ đến đỉnh mái +7,1 m; tường, dầm, trần lăn sơn trực tiếp 03 nước; nền đổ bê tông xi măng cấp độ bền B15 (mác 200) xoa phẳng; cửa đi, cửa sổ bằng cửa nhôm định hình kính an toàn bảo vệ. Các giải pháp khác: Thoát nước mái; cấp điện chiếu sáng, thoát nước và các chi tiết khác theo hồ sơ thiết kế cơ sở trình thẩm định;

- Kết cấu: Móng, cột, dầm, sàn bằng bê tông cốt thép cấp độ bền B20 (mác 250); tường xây gạch vữa xi măng mác 50; trát tường, xà, dầm, giăng vữa xi măng mác 75; mái: Xây tường thu hồi dày 110 mm/ giăng thu hồi bê tông cốt thép cấp độ bền B20/ xà gồ thép hình/ mái lợp tôn.

2.2.7. Bể chứa nước rửa lọc + bùn (*bể thu hồi*): Số lượng 02 bể, kích thước thông thủy mỗi bể là BxL=(4,0x12,0) m; thể tích bể khoảng 410 m³; chức năng thu gom chung bùn cặn từ việc xả bùn bể lắng và nước rửa lọc, điều hòa lưu lượng trước khi bơm vào bể cô đặc bùn; bố trí 2 bơm chìm, bơm bùn từ bể thu hồi sang bể nén bùn. Kết cấu bể: Đổ bê tông cốt thép cấp độ bền B22,5 (mác 300), bê tông lót cấp độ bền B7,5 (mác 100) dày 10 cm; cốt thép sử dụng thép CB-240T cho $\Phi < 10$ và CB-300V cho $\Phi \geq 10$. Các chi tiết khác theo hồ sơ thiết kế cơ sở.

2.2.8. Nhà đặt máy ép bùn + Bể nén bùn

a) Nhà để máy ép bùn: Nhà 1 tầng; diện tích xây dựng 119,5 m²; chiều dài nhà 13,90 m; chiều rộng nhà 8,60 m; bước gian 4,5 m; nhịp 8,0m; cốt nền ($\pm 0,00$) cao hơn mặt sân là +0,15 m; chiều cao từ cốt ($\pm 0,00$) đến đỉnh mái +10,2 m; móng, cột, dầm, sàn bằng bê tông cốt thép cấp độ bền B22,5 (mác 300); tường xây gạch vữa xi măng mác 50; trát tường, xà, dầm, giăng vữa xi măng mác 75; tường, dầm, trần lăn sơn trực tiếp 03 nước; cửa đi, cửa sổ bằng cửa nhôm định hình; cấu tạo mái: Xây tường thu hồi dày 220 mm/ giăng thu hồi bê tông cốt thép cấp độ bền B20/ xà gồ thép hình/ mái tôn dày 0,45 mm; trong nhà lắp đặt hệ dầm cầu trục có sức nâng 10 tấn; lắp đặt 2 bơm (*1 bơm làm việc và 1 bơm dự phòng*) để bơm bùn sau nén về máy ép bùn; các giải pháp khác: Thoát nước mái; cấp điện chiếu sáng và các chi tiết khác theo hồ sơ thiết kế cơ sở trình thẩm định;

b) Bể nén bùn: Xây dựng 2 bể nén bùn xây dựng bằng bê tông cốt thép cấp độ bền B22,5 (mác 300), kích thước mỗi bể (2,2x2,2x5,5) m; chiều dày bản đáy 300 mm, thành dày (200÷250) mm; thể tích mỗi bể khoảng 30 m³; đáy bể được tạo hình nón chóp để lắp đặt thiết bị cào cặn nhằm dồn cặn lắng vào rón bể nén bùn trước khi tự chảy về ngăn chứa bùn sau đó được bơm đi tách nước; bùn được xả bằng thủy lực và thu gom về hố thu bùn; quy trình tách nước sẽ được thực hiện bởi các máy ép bùn ly tâm.

2.2.9. Xây dựng hệ thống đường dây và trạm biến áp (*tổng hợp theo Công văn số 2655/SCT-QLCN ngày 05/11/2025 của Sở Công Thương*)

a) Quy mô xây dựng chính

- Phần trung thế: Xây dựng mới 70 m đường dây 35 kV từ trạm biến áp (TBA) Bản Xum 2 đến TBA xây dựng mới;

- TBA: Xây dựng mới 01 TBA với công suất 180 kVA cấp điện cho dự án;

- Đường dây hạ thế: Xây dựng mới 660 m đường dây hạ thế cấp điện cho dự án;

b) Giải pháp thiết kế

* Đường dây trung thế

- Cấp điện áp: 35 kV;

- Kiểu xây dựng: Đường dây trên không trên cột bê tông ly tâm;

- Số mạch: Mạch đơn;

- Dây dẫn: Sử dụng cáp nhôm lõi thép bọc cách điện tiết diện tương ứng 50/8 mm²;

- Cột: Sử dụng cột bê tông ly tâm không dự ứng lực trước;

- Xà, giá đỡ được chế tạo từ thép hình mạ kẽm nhúng nóng;

- Cách điện: Sử dụng cách điện chuỗi thủy tinh tại các vị trí néo, sử dụng cách điện đứng tại các vị trí đỡ;

- Móng cột: Sử dụng móng bê tông cốt thép;

- Tiếp địa: Sử dụng tiếp địa cọc tia hỗn hợp mạ kẽm nhúng nóng, điện trở đảm bảo theo quy định hiện hành;

* Trạm biến áp

- Cấp điện áp sơ cấp: 35 kV;

- Cấp điện áp thứ cấp: 0,4 kV;

- Kiểu xây dựng: Trạm treo trên cột bê tông ly tâm ngoài trời;

- Số MBA trong trạm: 01 máy;

- Loại máy: MBA 3 pha 2 cuộn dây ngâm trong dầu. Các thông số khác đạt chuẩn theo Quyết định số 318/QĐ-EVN NPC ngày 03/02/2016 của Tổng công ty Điện lực miền Bắc, quy định tạm thời bộ tiêu chuẩn kỹ thuật lựa chọn thiết bị thống nhất trong Tổng Công ty Điện lực miền Bắc;

- Tiếp địa trạm: Tiếp địa kiểu cọc tia hỗn hợp mạ kẽm nhúng nóng, điện trở đảm bảo theo quy định hiện hành;

- Móng trạm: Sử dụng móng bê tông cốt thép;

- Tủ điện hạ thế: Sử dụng loại tủ trọn bộ 02 lộ ra;

- Bù công suất phản kháng: Sử dụng kiểu bù động qua APFC, lắp đặt tại trạm biến áp;

* Đường dây hạ thế

- Cấp điện áp: 0,4 kV;

- Kiểu xây dựng: Cáp vắn xoắn trên cột bê tông ngoài trời;

- Dây dẫn: Sử dụng cáp vắn xoắn tiết diện 95 mm²;

- Cột: Sử dụng cột bê tông H;

- Tiếp địa lắp lại: Tiếp địa kiểu cọc tia hỗn hợp mạ kẽm nhúng nóng, điện trở đảm bảo theo quy định hiện hành;

- Các phụ kiện: Móc treo; móc néo; kẹp siết; kẹp treo...được chế tạo đồng bộ, đảm bảo quy định của ngành điện.

2.2.10. Các hạng mục phụ trợ: San nền, hệ thống giao thông, kè chắn đất, cống, tường rào, thoát nước, điện chiếu sáng, hồ cảnh quan, ...;

a) San nền

- Tuân thủ theo quy hoạch tổng mặt bằng xây dựng nhà máy đã được phê duyệt tại Quyết định số 134/QĐ-UBND ngày 12/01/2024 của UBND huyện Mai Sơn. Theo đó, san nền nhà máy nước Chiềng Dong theo 4 lô như sau: (1) Khu vực đặt bể chứa nước thô có cốt cao độ san nền +694,0 m; (2) Khu vực đặt cụm thiết bị lắng - lọc có cốt cao độ san nền +690,50 m; (3) Khu vực xây dựng bể chứa nước sạch, nhà hóa chất có cốt cao độ san nền +690,0 m; (4) Khu vực xây dựng các công trình xử lý bùn cặn, nhà hành chính có cốt cao độ san nền +679,0 m;

- Trên cơ sở quy hoạch được duyệt, tận dụng tối đa địa hình hiện trạng, chỉ tiến hành các khu vực san gạt để tạo mặt bằng xây dựng; tiến hành san nền theo phương pháp lưới ô vuông, toàn bộ khối lượng san nền được tận dụng tối đa để đắp nền, phần còn lại được bóc bỏ hữu cơ, bùn ruộng, thảm phủ bì được đổ thải theo quy định của Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án;

b) Đường giao thông nội bộ

- Tuyến đường được thiết kế với cấp kỹ thuật C - Đường GTNT (TCVN 10380:2014- Đường giao thông nông thôn), có các thông số cơ bản như sau:

+ Điểm đầu tuyến có cao độ +679,00 được kết nối với khu vực sân công nhà máy;

+ Điểm cuối tuyến có cao độ: +690,00 được kết nối với khu vực xử lý nước;

+ Chiều dài tuyến $L=211,37$ m;

+ Vận tốc thiết kế: $V_{tk}= 15$ km/h;

+ Đường có độ dốc lớn nhất $i=10,47\%$ (giới hạn theo tiêu chuẩn $i_{max}=15\%$);

+ Độ dốc nhỏ nhất $i_{min}= 0\%$ (vị trí vào nhà máy);

+ Bán kính cong nằm giới hạn $R_{gh}=10m$ (vị trí có bán kính cong $R<10$ m, cần mở rộng bệ để đảm bảo kỹ thuật);

+ Nền đường đắp đất đạt độ chặt $K=0,90$, lớp trên cùng dày 30 cm được đắp $K=0,95$;

+ Mặt cắt ngang đường $B=4$ m;

+ Chiều rộng lề đường bên: 0,5 m;

+ Độ dốc ngang mặt đường 2% (dốc về phía ngoài khu vực nhà máy);

+ Các vị trí đào sâu được thiết kế tường chắn bê tông xi măng cấp độ bền B15 (mác 200) cao 4,0 m và 4,5 m;

+ Hướng thoát nước của mặt đường được thoát về một phía và về phía dốc của đường;

- Kết cấu mặt đường là mặt đường cứng bê tông xi măng bao gồm: Lớp bê tông xi măng cấp độ bền B20 (mác 250) dày 25 cm/lớp giấy lót dầu hoặc tấm nylon/lớp cấp phối đá dăm loại 1 dày 15cm/lớp đất nền đầm chặt $K=0,95$ dày 30 cm/lớp đất nền đầm chặt $K=0,90$;

c) Các hạng mục phụ trợ: Sân, công, tường rào...và các nội dung khác theo hồ sơ thiết kế cơ sở trình thẩm định.

2.3. Tuyến ống truyền tải nước sạch

2.3.1. Về đặc điểm tuyến ống: Hệ thống tuyến ống cấp I, II truyền tải nước sạch có tổng chiều dài khoảng 20 km, từ Nhà máy nước Chiềng Dong đến xí nghiệp cấp nước Mai Sơn (*xã Mai Sơn*) và đến trạm bơm tăng áp Km10 (*phường Chiềng Sinh*), gồm có 2 tuyến ống truyền tải nước sạch với hướng tuyến như sau:

- Tuyến số 1: Từ nhà máy nước Chiềng Dong đi về Xí nghiệp cấp nước Mai Sơn (*xã Mai Sơn*). Dựa trên cao trình tại vị trí đề xuất xây dựng nhà máy xử lý nước sạch Chiềng Dong (+690 m) và cao trình tại khu vực tiêu thụ (*từ +515 m đến +642 m*), có thể lắp đặt tuyến ống truyền tải nước sạch tự chảy, bao gồm 4 đoạn như sau:

+ Đoạn 1.1: Từ nhà máy nước Chiềng Dong đi theo đường liên xã ra đường Quốc lộ 6, tại ngã ba Chiềng Mung (*cọc A131*). Tuyến ống đi ngầm dưới lòng đường/lề đường, có đường kính DN500 mm, chiều dài 2.727 m;

+ Đoạn 1.2: Từ cọc A131 đi dọc theo đường Quốc lộ 6 đến Hồ Tiền Phong (*cọc B149*). Tuyến ống đi ngầm dưới lòng đường/via hè, có đường kính DN400 mm, chiều dài 5.226 m;

+ Đoạn 1.3: Từ cọc B149 đi dọc theo đường Quốc lộ 6 đến cọc C201. Tuyến ống đi ngầm dưới lòng đường/via hè, có đường kính DN315 mm, chiều dài 5.628 m;

+ Đoạn 1.4: Từ cọc C201 đi dọc theo đường Quốc lộ 6 đến Xí nghiệp cấp nước Mai Sơn (*xã Mai Sơn*). Tuyến ống đi ngầm dưới lòng đường/via hè, có đường kính DN315 mm, chiều dài 2.518 m;

- Tuyến số 2: Từ Ngã ba Chiềng Mung đi về trạm bơm tăng áp Km10 (*phường Chiềng Sinh*). Dựa trên cao trình tại vị trí đề xuất xây dựng nhà máy xử lý nước sạch Chiềng Dong (+690 m) và cao trình tại khu vực tiêu thụ (*từ +600 m đến +680 m*), có thể lắp đặt tuyến bao gồm 2 đoạn như sau:

+ Đoạn 2.1: Từ Ngã ba Chiềng Mung (*Cọc A131*) đến điểm đầu nối với tuyến ống cấp nước DN400 hiện trạng (*Cọc E59*). Tuyến ống đi ngầm dưới lòng đường/via hè, có đường kính DN315 mm, chiều dài khoảng 2.201 m;

+ Đoạn 2.2: Từ điểm đầu nối với tuyến ống cấp nước DN225 mm hiện trạng gần Ngã ba Trại Ong (*Cọc F1*) đến trạm bơm tăng áp tại Km10 của Công ty SOWASUCO (*đối diện đường vào chùa Hưng Quốc Thiên Tự*). Tuyến ống đi ngầm dưới lòng đường/via hè, có đường kính DN225 mm, chiều dài khoảng 1.580 m.

2.3.2. Về giải pháp cấu tạo xây dựng cơ bản

a) Mương đào đặt ống: Có giải pháp thiết kế tương tự giải pháp thiết kế

mương đào đặt ống nước thô;

b) Gối đỡ cắt ngang, gối đỡ tê

- Gối đỡ cho ống DN225 mm sử dụng bê tông xi măng cấp độ bền B15 (mác 200), lót đáy bằng bê tông xi măng cấp độ bền B7,5 (mác 100) dày 10 cm;

- Gối đỡ ống có đường kính DN315 mm, DN400 mm, DN500 mm: Sử dụng bê tông cốt thép B15 (mác 200), lót đáy bằng bê tông xi măng cấp độ bền B7,5 (mác 100) dày 10 cm. Cốt thép $\Phi < 10$ sử dụng thép CB-240T, cốt thép $\Phi \geq 10$ sử dụng CB-300V;

c) Hồ đồng hồ DN300 mm

- Hồ có kích thước thông thủy (3,2x1,1) m: có chiều dày đáy bằng 300 mm, chiều dày thành bằng 200 mm, nắp đáy tấm đan dày 150 mm;

- Bê tông sử dụng bê tông cấp độ bền B15 (mác 200), lót đáy bằng bê tông xi măng cấp độ bền B7,5 (mác 100) dày 10 cm. Cốt thép sử dụng thép CB-240T cho $\Phi < 10$ và CB-300V cho $\Phi \geq 10$;

d) Hồ đồng hồ DN250

- Hồ có kích thước thông thủy (2,7x1,0) m, chiều dày đáy bằng 300 mm, chiều dày thành bằng 200 mm, nắp đáy tấm đan dày 150 mm;

- Bê tông sử dụng bê tông cấp độ bền B15 (mác 200), lót đáy bằng bê tông xi măng cấp độ bền B7,5 (mác 100) dày 10 cm. Cốt thép sử dụng thép CB-240T cho $\Phi < 10$ và CB-300V cho $\Phi \geq 10$;

đ) Hồ van xả khí loại 1: Lót dưới đáy hồ là đệm sỏi dày 10 cm, đáy bê tông xi măng cấp độ bền B15 (mác 200), dày 15 cm. Tường xây gạch dày 220 mm, cổ ga bằng bê tông xi măng cấp độ bền B12,5 (mác 150) và kê tấm đan bê tông cốt thép cấp độ bền B15 (mác 200) dày 80 mm. Cốt thép sử dụng thép CB-240T cho $\Phi < 10$ và CB-300V cho $\Phi \geq 10$;

e) Hồ van xả cạn

- Các gối đỡ tê của hồ van xả cạn sử dụng bê tông xi măng cấp độ bền B15 (mác 200), bê tông lót sử dụng bê tông xi măng cấp độ bền B7,5 (mác 100);

- Hồ xả cạn kích thước thông thủy (1,0x1,0) m, chiều dày đáy bằng 250 mm, chiều dày thành bằng 200 mm, nắp đáy tấm đan dày 80 mm;

- Bê tông đáy, thành và tấm đan sử dụng bê tông cấp độ bền B15 (mác 200), lót đáy bằng bê tông xi măng cấp độ bền B7,5 (mác 100) dày 10 cm. Cốt thép sử dụng thép CB-240T cho $\Phi < 10$ và CB-300V cho $\Phi \geq 10$;

g) Hồ thông loại A và loại B (*phân loại theo phần xây dựng*)

- Hồ có các kích thước thông thủy: Loại A kích thước (1,1x1,1) m và loại B kích thước (1,5x1,1) m, chiều dày đáy bằng 250 mm, chiều dày thành bằng 200 mm, nắp đáy tấm đan dày 150 mm;

- Bê tông sử dụng bê tông cấp độ bền B15 (mác 200), lót đáy bằng bê tông xi măng cấp độ bền B7,5 (mác 100) dày 10 cm. Cốt thép sử dụng thép CB-240T cho $\Phi < 10$ và CB-300V cho $\Phi \geq 10$;

h) Trụ kết hợp với giàn đỡ ống qua cầu Trắng

- Bề rộng sông đoạn có ống đi qua (từ bờ này sang bờ kia) khoảng 54 m, thiết kế sử dụng 02 trụ để đỡ ống vượt qua. Khoảng cách giữa 2 trụ, chính là chiều dài giàn thép khoảng 30 m. Đáy trụ có kích thước (2,75x2,75) m, thân trụ có kích thước 2x(0,7x0,7) m, tổng chiều cao trụ bằng 10,29 m;

- Mỗi đáy trụ sử dụng 09 cọc bê tông cốt thép đúc sẵn cấp độ bền B22.5 (mác 300) tiết diện (250x250) mm chiều dài dự kiến 15 m. Địa chất là giả thiết, trong giai đoạn thiết kế thi công cần phải có khảo sát địa chất tại đúng vị trí xây dựng;

- Trụ đỡ sử dụng bê tông cốt thép cấp độ bền B15 (mác 200), bê tông lót cấp độ bền B7,5 (mác 100) dày 100 mm. Cốt thép sử dụng thép CB-240T cho $\Phi < 10$ và CB-300V cho $\Phi \geq 10$;

i) Kết cấu hoàn trả

Hoàn trả mặt đường, vỉa hè theo hiện trạng. Cụ thể như sau:

- Kết cấu mặt đường bê tông nhựa: Lớp đá dăm láng nhựa 3 lớp dày 3,5cm/lớp cấp phối đá dăm loại 1, dày 11,5cm/lớp cấp phối đá dăm loại 2, dày 20cm/lớp đất đầm chặt $K \geq 0,98$, dày 30cm/lớp đất nền đầm chặt $K=0,95$;

- Kết cấu mặt đường bê tông: Bê tông xi măng cấp độ bền B15 (mác 200) dày 20cm/lót giấy dầu/lớp cấp phối đá dăm loại 1, dày 15cm/lớp đất đầm chặt $K \geq 0,95$, dày 30cm/lớp đất nền đầm chặt $K=0,95$

- Kết cấu vỉa hè gạch block: Lớp gạch block tự chèn, dày 4cm/cát vàng tạo phẳng, dày 5cm/bê tông B7,5 (mác 100), dày 10 cm/lớp đất nền đầm chặt $K=0,95$;

- Kết cấu vỉa hè bê tông: Bê tông cấp độ bền B15 (mác 200), dày 10cm/lót 1 lớp giấy dầu/lớp đất nền đầm chặt $K=0,95$.

2.4. Các hạng mục và chi tiết cấu tạo khác: Theo hồ sơ thiết kế cơ sở trình thẩm định.

IV. PHẠM VI THẨM ĐỊNH

1. Phạm vi thực hiện thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng của cơ quan chuyên môn về xây dựng đối với các nội dung theo quy định: Cơ quan chủ trì thẩm định các nội dung của cơ quan chuyên môn về xây dựng đối với dự án sử dụng vốn khác theo quy định tại khoản 3 Điều 58 Luật Xây dựng năm 2014 đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 15 Điều 1 Luật sửa, đổi bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020.

2. Cơ sở thẩm định (nêu cơ sở thẩm định đối với các trường hợp thẩm định sau khi khắc phục xử phạt hành chính): Nội dung thẩm định không thuộc trường hợp thẩm định sau khi khắc phục xử phạt hành chính.

3. Nguyên tắc lập, thẩm định, phê duyệt dự án: Theo quy định tại Điều 6 Nghị định 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng.

V. KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH DỰ ÁN

1. Sự tuân thủ quy định của pháp luật về lập dự án đầu tư xây dựng, thiết kế cơ sở; điều kiện năng lực hoạt động xây dựng của tổ chức, cá nhân hành

nghề xây dựng

- Về sự tuân thủ quy định của pháp luật về lập dự án đầu tư xây dựng: Dự án đầu tư xây dựng Nhà máy nước Chiềng Dong và các tuyến ống truyền tải nước sạch kết nối thành phố Sơn La và huyện Mai Sơn (*nay là các xã Chiềng Mai, Chiềng Mung, Mai Sơn và phường Chiềng Sinh*) được lập cơ bản tuân thủ theo quy định của Luật Xây dựng năm 2014; Luật Sửa, đổi bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020 và các Nghị định, Thông tư hướng dẫn của Bộ Xây dựng ban hành theo quy định;

- Về điều kiện năng lực hoạt động xây dựng của tổ chức, năng lực hành nghề của cá nhân hành nghề tư vấn xây dựng: Căn cứ hồ sơ năng lực trong hồ sơ trình thẩm định, năng lực hoạt động xây dựng của tổ chức, cá nhân tham gia khảo sát, thiết kế, thẩm tra thiết kế đã đáp ứng yêu cầu theo quy định. Chủ đầu tư chịu trách nhiệm về việc kiểm tra, rà soát, đánh giá năng lực của các tổ chức, cá nhân thực hiện khảo sát, lập thiết kế xây dựng và thẩm tra thiết kế xây dựng theo quy định. Chủ đầu tư và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc tổ chức lựa chọn nhà thầu tư vấn khảo sát, thiết kế, tư vấn thẩm tra; kiểm soát chặt chẽ năng lực thực tế các tổ chức, cá nhân tham gia dự án; đề nghị chủ đầu tư yêu cầu tư vấn thẩm tra bố trí cán bộ đủ năng lực, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ quy định trong hợp đồng, kết quả thẩm tra của tư vấn thẩm tra là cơ sở để chủ đầu tư thẩm định, phê duyệt thiết kế dự án và tổng mức đầu tư dự án theo quy định.

2. Sự phù hợp của thiết kế cơ sở với quy hoạch xây dựng, quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành khác theo quy định của pháp luật về quy hoạch hoặc phương án tuyến công trình, vị trí công trình được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận

2.1. Đối với khu vực xây dựng nhà máy nước: Cơ bản phù hợp với Tổng mặt bằng quy hoạch xây dựng của dự án đã được UBND huyện Mai Sơn phê duyệt tại Quyết định số 134/QĐ-UBND ngày 12/01/2024. Tuy nhiên để đảm bảo tính chính xác đề nghị chủ đầu tư tiếp tục rà soát, chuẩn xác đảm bảo theo tổng mặt bằng đã được chấp thuận, phê duyệt.

2.2. Đối với Tuyến ống nước thô, tuyến ống nước sạch: Đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận tại: (1) Công văn số 297/UBND-KT ngày 17/01/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Sơn La; (2) Công văn số 4539/CĐBVN-QLBT ngày 09/9/2025 của Cục Đường bộ Việt Nam; (3) Công văn số 3120/SXD-KCHT ngày 20/8/2025 của Sở Xây dựng; (4) Công văn số 3121/SXD-KCHT ngày 20/8/2025 của Sở Xây dựng; (5) Công văn số 269/UBND-KT ngày 31/8/2025 của UBND xã Chiềng Mai; (6) Công văn số 667/UBND-KT ngày 04/11/2025 của UBND xã Mai Sơn. Đề nghị chủ đầu tư chỉ đạo, yêu cầu đơn vị tư vấn thiết kế, thẩm tra rà soát giải pháp thiết kế đảm bảo tuân thủ theo các nội dung đã nêu tại các công văn nêu trên, phù hợp với quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành; quá trình tổ chức triển khai phải có biện pháp đảm bảo an toàn cho người, phương tiện lưu thông trên tuyến.

3. Sự phù hợp của dự án với chủ trương đầu tư được cơ quan nhà

nước có thẩm quyền quyết định hoặc chấp thuận; với chương trình, kế hoạch thực hiện, các yêu cầu khác của dự án theo quy định của pháp luật có liên quan: Dự án Nhà máy nước Chiềng Dong và các tuyến ống truyền tải nước sạch kết nối thành phố Sơn La và huyện Mai Sơn (*nay là các xã Chiềng Mai, Chiềng Mung, Mai Sơn và phường Chiềng Sinh*) được lập cơ bản phù hợp với Quyết định số 2488/QĐ-UBND ngày 10/10/2021 của UBND tỉnh Sơn La về việc quyết định chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư. Trong quá trình triển khai thực hiện bước tiếp theo của dự án đề nghị chủ đầu tư tuân thủ các quy định của pháp luật về quy hoạch, đất đai, đầu tư..., nhằm đảm bảo phát huy hiệu quả đầu tư xây dựng; đảm bảo đáp ứng mục tiêu, tiến độ và hiệu quả của dự án. Trường hợp có thông tin sai khác, phát sinh quy mô so với chủ trương đầu tư thì đề nghị chủ đầu tư liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để được hướng dẫn lập điều chỉnh chủ trương đầu tư (*nếu có yêu cầu*) đảm bảo phù hợp với quy mô, nội dung, phân kỳ đầu tư theo giai đoạn của dự án đảm bảo phù hợp với nhu cầu, phương án, kế hoạch sản xuất, kinh doanh của đơn vị để dự án phát huy hiệu quả, góp phần mang lại giá trị về kinh tế cho doanh nghiệp và cho địa phương nơi có dự án sau khi hoàn thành.

4. Khả năng kết nối hạ tầng kỹ thuật khu vực; khả năng đáp ứng hạ tầng kỹ thuật và việc phân giao trách nhiệm quản lý các công trình theo quy định của pháp luật có liên quan đối với dự án đầu tư xây dựng khu đô thị

4.1. Đối với phạm vi xây dựng nhà máy nước: Thiết kế cơ sở cơ bản phù hợp về vị trí, địa điểm xây dựng và khả năng kết nối với hạ tầng kỹ thuật của khu vực; trong giai đoạn thiết kế bản vẽ thi công đề nghị chủ đầu tư phối hợp với đơn vị tư vấn thiết kế tiếp tục tổ chức rà soát lại khu vực xây dựng của dự án để đảm bảo khả năng kết nối hạ tầng kỹ thuật với khu vực.

4.2. Đối với tuyến ống nước thô và tuyến nước sạch: Rà soát các nội dung đã được kiến nghị tại tiểu mục 2.2 nêu trên. Chủ đầu tư, đơn vị tư vấn thiết kế, thẩm tra chịu trách nhiệm toàn diện về số liệu, giải pháp thiết kế cơ sở đã đề xuất.

5. Sự phù hợp của giải pháp thiết kế cơ sở về bảo đảm an toàn xây dựng; việc thực hiện các yêu cầu về phòng, chống cháy, nổ và bảo vệ môi trường

5.1. Về sự phù hợp của các giải pháp thiết kế về bảo đảm an toàn xây dựng

5.1.1. Đánh giá chung: Theo Báo cáo kết quả thẩm tra Báo cáo nghiên cứu khả thi số 13/10-01/2025/CV-VVC ngày 13/10/2025 của Công ty cổ phần tư vấn đầu tư và xây dựng Việt Vương có nội dung như sau:

- Giải pháp thiết kế cơ sở của các công trình trong Nhà máy nước Chiềng Dong phù hợp với điều kiện địa chất công trình, đảm bảo khả năng chịu lực và tính ổn định, được tính toán chi tiết theo tiêu chuẩn TCVN 9362-2012, TCVN 2737-2023 và TCVN 5574-2018 hiện hành, đảm bảo sự phù hợp về quy mô, kích thước công trình theo chỉ tiêu thiết kế đặt ra;

- Giải pháp thiết kế lắp đặt tuyến ống nước thô và nước sạch phù hợp với mặt bằng hiện trạng, được tính toán chi tiết theo QCVN 07-2:2016/BXD, TCVN 33-2006 và TCVN 13606-2023, đảm bảo đáp ứng các tiêu chí thiết kế của dự án;

- Các hạng mục công trình đảm bảo tính phối hợp, không xung đột hay chồng lấn với các công trình khác, đảm bảo an toàn cho công trình và công trình lân cận.

5.1.2. Về giải pháp thiết kế tuyến ống đi qua hầm dẫn nước (*Tuyến ống đi trong hầm tuynel có tổng chiều dài khoảng 1.700 m, sử dụng vật liệu ống HDPE có đường kính DN400 mm*): Theo Báo cáo kết quả thẩm tra xây dựng số 02/2025/IWE-BCTTr ngày 09/5/2025 của Viện nước, tưới tiêu và môi trường thuộc Viện khoa học Thủy lợi Việt Nam có nội dung như sau:

- Phần hạng mục “*Tuyến ống cấp nước thô lấy nước van xả hạ lưu hồ Chiềng Dong đi qua hầm tuynel*” được tính toán chi tiết thủy lực theo tiêu chuẩn TCVN 9151-2012, TCVN 7957-2023 và TCVN 4118-2021 hiện hành, đảm bảo sự phù hợp về quy mô, kích thước công trình theo chỉ tiêu thiết kế đặt ra;

- Phần hạng mục “*Tuyến ống cấp nước thô lấy nước van xả hạ lưu hồ Chiềng Dong đi qua hầm tuynel*” được tính toán chi tiết về khả năng chịu lực của bulong và tác động tới đáy hầm, tính toán ổn định đảm bảo hệ số an toàn theo QCVN 04-05:2022/BNNT hiện hành;

- Hồ sơ thiết kế cơ sở tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật hiện hành.

* **Như vậy:** Báo cáo kết quả thẩm tra đã có nội dung rà soát, đánh giá sự phù hợp của giải pháp thiết kế về bảo đảm an toàn xây dựng, đơn vị tư vấn thẩm tra chịu trách nhiệm toàn diện về các kết luận về khả năng chịu lực an toàn kết cấu công trình thuộc dự án.

5.2. Về sự phù hợp của các giải pháp thiết kế về bảo vệ môi trường: Dự án đã được phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường tại Quyết định số 1865/QĐ-UBND ngày 25/7/2025 của UBND tỉnh Sơn La.

5.3. Về sự phù hợp của các giải pháp thiết kế về an toàn phòng, chống cháy, nổ: Theo báo cáo kết quả rà soát của đơn vị tư vấn thẩm tra, dự án không thuộc đối tượng phải thẩm duyệt thiết kế PCCC. Theo hồ sơ thiết kế cơ sở do đơn vị tư vấn thiết kế lập, đã đưa ra các giải pháp trang bị các phương tiện PCCC cơ bản để đáp ứng yêu cầu về PCCC. Tuy nhiên, để đảm bảo tuân thủ theo quy định của pháp luật về PCCC đề nghị trong bước thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở đề nghị chủ đầu tư yêu cầu đơn vị tư vấn, thẩm tra rà soát các quy định của pháp luật về PCCC, xin ý kiến cơ quan công an về nội dung thẩm duyệt PCCC để dự án được thực hiện thẩm duyệt PCCC (*nếu có*) đảm bảo theo quy định.

6. Sự tuân thủ quy chuẩn kỹ thuật và áp dụng tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật: Theo Báo cáo kết quả thẩm tra thì hồ sơ thiết kế cơ sở cơ bản phù hợp với các quy chuẩn, tiêu chuẩn áp dụng.

VI. KẾT LUẬN, KIẾN NGHỊ

1. Kết luận: Hồ sơ Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng dự án Nhà máy nước Chiềng Dong và các tuyến ống truyền tải nước sạch kết nối thành phố Sơn La và huyện Mai Sơn (*nay là các xã Chiềng Mai, Chiềng Mung, Mai Sơn*

và *phường Chiềng Sinh*) được thẩm định theo hồ sơ do chủ đầu tư trình, đề nghị chủ đầu tư nghiên cứu các nội dung tại văn bản thông báo kết quả thẩm định này trước khi trình phê duyệt và triển khai các bước tiếp theo.

2. Một số kiến nghị đối với chủ đầu tư

- Chủ đầu tư và đơn vị tư vấn thiết kế, thẩm tra chịu trách nhiệm toàn diện về tính chính xác của các số liệu sử dụng trong hồ sơ trình thẩm định; an toàn chất lượng công trình xây dựng và giá trị các công việc đã thực hiện;

- Chủ đầu tư, đơn vị tư vấn thiết kế, thẩm tra sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện hồ sơ dự án để triển khai bước tiếp theo đúng tiêu chuẩn, quy chuẩn thiết kế phù hợp với nội dung trong thuyết minh Báo cáo nghiên cứu khả thi, nhiệm vụ thiết kế được phê duyệt; tư vấn khảo sát, lập dự án, thẩm tra thiết kế xây dựng chịu trách nhiệm về các số liệu, nội dung tính toán kết cấu trong hồ sơ trình thẩm định; thực hiện các nội dung được nêu tại Phần V Thông báo kết quả thẩm định này và Thông báo kết quả thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi-Hạng mục cấp điện cho nhà máy cấp nước Chiềng Dong tại Công văn số 2655/SCT-QLCN ngày 05/11/2025 của Sở Công Thương;

- Về khả năng an toàn chịu lực công trình: Cơ quan thẩm định chỉ kiểm tra về quy trình các bước thực hiện kỹ thuật tính toán thủy lực, an toàn toàn kết cấu theo hồ sơ trình do đơn vị tư vấn và chủ đầu tư cung cấp; cơ quan thẩm định không chịu trách nhiệm, không thay thế vai trò soát xét, tính toán kiểm tra lại số liệu của đơn vị tư vấn thiết kế, thẩm tra. Do đó, đề nghị chủ đầu tư yêu cầu đơn vị tư vấn khảo sát, thiết kế; tư vấn thẩm tra tổ chức rà soát, kiểm tra lại toàn bộ quy trình, kỹ thuật tính toán đảm bảo an toàn, bền vững cho công trình, hạng mục, bộ phận kết cấu công trình đảm bảo tuân thủ theo quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành; trường hợp rà soát, kiểm tra lại cho thấy kết quả tính toán kết cấu theo mô hình, sơ đồ, nhịp, tải trọng, nguyên lý chất và dồn tải trong phần mềm và các bản tính toán có kết quả sai khác so với số liệu đã được đơn vị tư vấn thực hiện thì đề nghị đơn vị tư vấn thiết kế kịp thời có đề xuất với chủ đầu tư để kịp thời đưa ra giải pháp thiết kế kết cấu được đảm bảo an toàn chịu lực trong quá trình khai thác sử dụng và trong các điều kiện bất lợi khác nằm ngoài giả thiết tính toán ban đầu đã được đơn vị tư vấn thiết kế đề xuất;

- Tuân thủ các quy định của pháp luật về môi trường đã được phê duyệt kết quả thẩm định tại Quyết định số 1865/QĐ-UBND ngày 25/7/2025 của UBND tỉnh Sơn La;

- Rà soát các giải pháp thiết kế để đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật về PCCC;

- Trước khi phê duyệt dự án đề nghị kiểm tra, rà soát lại sự tuân thủ quy mô dự án so với quy hoạch chi tiết được phê duyệt và chấp thuận hướng tuyến nước thô, nước sạch đã được cấp có thẩm quyền chấp thuận;

- Rà soát phương án, giải pháp thiết kế hướng tuyến nước thô, tuyến nước sinh hoạt đảm bảo tuân thủ theo quy định tại Nghị định số 165/2024/NĐ-CP ngày 26/12/2024 của Chính phủ Quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đường bộ và Điều 77 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ; Công văn

số 4539/CĐBVN-QLBT ngày 09/9/2025 của Cục Đường bộ Việt Nam; Công văn số 3120/SXD-KCHT ngày 20/8/2025, số 3120/SXD-KCHT của Sở Xây dựng; Công văn số 269/UBND-KT ngày 31/8/2025 của UBND xã Chiềng Mai; Công văn số 667/UBND-KT ngày 04/11/2025 của UBND xã Mai Sơn. Trong quá trình triển khai thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở đề nghị chủ đầu tư hoàn thiện hồ sơ thiết kế, thủ tục về giải pháp thiết kế tuyến ống nước thô và nước sạch gửi về cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo phân cấp để được chấp thuận, cấp phép thi công đảm bảo theo đúng quy định, tuân thủ theo quy định của pháp luật;

- Rà soát giải pháp thiết kế hạng mục kè chắn, biện pháp gia cố mái ta luy tại khu vực tiếp giáp tuyến đường giao thông nội bộ và một số vị trí khác để đảm bảo an toàn bền vững, phòng tránh sạt sụt mái ta luy;

- Đối với nội dung hạng mục cấp điện (*đường dây và trạm biến áp*) không thuộc lĩnh vực chuyên ngành, phạm vi, chức năng, quản lý của cơ quan chủ trì thẩm định; để có cơ sở ban hành báo cáo thẩm định, cơ quan chủ trì thẩm định gửi Công văn xin ý kiến thẩm định về các nội dung liên quan đến lĩnh vực đường dây và TBA, kết quả thẩm định này được tổng hợp trên cơ sở kết quả thực hiện của cơ quan phối hợp thẩm định. Cơ quan phối hợp thẩm định chịu trách nhiệm kết quả thực hiện về tính chính xác; sự đúng đắn, hợp lý, hiệu quả, an toàn, chất lượng các nội dung các công việc thực hiện trước cơ quan thanh tra, kiểm tra; chủ đầu tư tiếp thu tối đa các nội dung đã tham gia;

- Đối với nội dung thẩm định dây truyền công nghệ thuộc thẩm quyền thẩm định của người quyết định đầu tư (*quy định tại Điều 57 Luật Xây dựng 2014 đã được sửa đổi tại khoản 14 Điều 1 Luật xây dựng sửa đổi 2020*), đề nghị người quyết định đầu tư (*Hội đồng quản trị Công ty cổ phần cấp nước Sơn La*) căn cứ trên kết quả thẩm tra số 13/10-01/2025/CV-VVC ngày 13/10/2025 của Công ty cổ phần tư vấn đầu tư và xây dựng Việt Vương để tổ chức thẩm định đảm bảo theo quy định;

- Trong giai đoạn thực hiện bước thiết kế bản vẽ thi công, đề nghị chủ đầu tư tổ chức triển khai theo đúng quy định về quản lý dự án, quản lý chất lượng công trình xây dựng, đồng thời lưu ý một số nội dung sau:

- + Tiếp tục tổ chức khảo sát đánh giá địa chất theo quy định để phục vụ cho việc tính toán bước thiết kế bản vẽ thi công; tận dụng tối đa kết quả khảo sát đã thực hiện; quá trình khảo sát địa chất bổ sung trường hợp có bất thường, khác biệt so với số liệu địa chất đã thực hiện thì đề nghị chủ đầu tư yêu cầu đơn vị tư vấn thiết kế, thẩm tra nghiên cứu đưa ra giải pháp thiết kế nền, móng và các biện pháp thiết kế an toàn nền địa chất; đảm bảo an toàn cho người và tài sản trong quá trình thi công và đưa vào khai thác sử dụng;

- + Hoàn thiện hồ sơ thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở gửi lấy ý kiến Sở Nông nghiệp và Môi trường về giải pháp thiết kế trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi; đồng thời đề nghị chủ đầu tư thực hiện thủ tục “*Cấp giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Xây dựng công trình mới; lập bến, bãi tập kết nguyên liệu, nhiên liệu, vật tư, phương tiện; Khoan, đào khảo sát địa chất, thăm dò, khai thác khoáng sản, vật liệu xây dựng, khai thác nước dưới đất; xây dựng công trình ngầm thuộc thẩm quyền cấp phép của*

UBND tỉnh”;

+ Tổ chức rà soát, nghiên cứu giải pháp thiết kế phù hợp, đảm bảo chất lượng công trình, an toàn, hiệu quả; thể hiện đầy đủ các chi tiết cấu tạo; rà soát kết quả tính toán; trong đó, lựa chọn giải pháp thiết kế, điều kiện áp dụng công nghệ mới để đưa ra phương án thi công đảm bảo vượt nhịp đảm bảo an toàn kết cấu công trình; đơn vị vận thiết kế, thẩm tra chịu trách nhiệm về kết quả tính toán đã thực hiện;

+ Đề đảm bảo kết nối hạ tầng kỹ thuật đồng bộ với khu vực phù hợp với quy hoạch được duyệt, chủ đầu tư cần liên hệ với cơ quan, đơn vị có thẩm quyền để được hướng dẫn về đầu nối các công trình hạ tầng kỹ thuật có liên quan của khu vực và thể hiện chi tiết phương án đầu nối trên hồ sơ thiết kế;

+ Đề nghị chủ đầu tư chỉ đạo đơn vị tư vấn xây dựng quy trình bảo trì công trình; lập chỉ dẫn kỹ thuật (*nội dung bắt buộc thực hiện do cấp công trình là cấp II*) để làm cơ sở cho việc thẩm định và phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công theo đúng quy định;

+ Đề nghị chủ đầu tư tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở (BVTC), liên hệ với cơ quan chuyên môn về xây dựng theo phân cấp để được cấp giấy phép xây dựng đảm bảo theo quy định;

- Sở Xây dựng thẩm định các hạng mục đầu tư trên cơ sở đề xuất của chủ đầu tư, đề nghị chủ đầu tư rà soát các hạng mục đầu tư đảm bảo theo chủ trương đầu tư được duyệt, phân kỳ đầu tư do chủ đầu tư quyết định; Sở Xây dựng thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng theo các nội dung quy định tại các điểm a, b, c, d, đ và e khoản 2 Điều 58 Luật Xây dựng năm 2014 được sửa đổi tại khoản 15 Điều 1 Luật Xây dựng sửa đổi năm 2020 (*không bao gồm nội dung thẩm định tổng mức đầu tư xây dựng*). Đối với các nội dung khác của Báo cáo nghiên cứu khả thi thuộc thẩm quyền của người quyết định đầu tư đề nghị chủ đầu tư nghiên cứu, tổ chức thực hiện theo quy định tại Điều 57 Luật Xây dựng năm 2014 đã được sửa đổi tại khoản 14 Điều 1 Luật Xây dựng sửa đổi năm 2020, chịu trách nhiệm các nội dung do chủ đầu tư đã quyết định theo quy định;

- Các hạng mục công trình trong giai đoạn thi công phải tuân thủ theo quy định về quản lý chất lượng thi công xây dựng công trình; quản lý tiến độ thi công xây dựng công trình; an toàn lao động, vệ sinh môi trường xây dựng trong thi công xây dựng công trình. Chủ đầu tư tổ chức lập, phê duyệt biện pháp thi công đảm bảo an toàn cho con người, công trình và công trình lân cận; giám sát thi công theo hồ sơ thiết kế, biện pháp thi công đã phê duyệt, nghiệm thu công việc theo thực tế và biện pháp thi công do chủ đầu tư phê duyệt;

- Thực hiện thí nghiệm đối chứng, kiểm định xây dựng, thử nghiệm khả năng chịu lực của kết cấu công trình theo chỉ dẫn kỹ thuật... theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

- Thực hiện quản lý dự án, quản lý chi phí đầu tư xây dựng, quản lý chất lượng công trình xây dựng theo đúng quy định hiện hành; các hạng mục công

trình phải được cơ quan có thẩm quyền theo phân cấp kiểm tra công tác nghiệm thu trước khi bàn giao đưa vào sử dụng;

- Theo khoản 1 Điều 42 Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng có quy định: “Nhà thầu thiết kế xây dựng chịu trách nhiệm về chất lượng thiết kế xây dựng do mình thực hiện; việc thẩm tra, thẩm định và phê duyệt thiết kế xây dựng của cá nhân, tổ chức, chủ đầu tư, người quyết định đầu tư hoặc cơ quan chuyên môn về xây dựng không thay thế và không làm giảm trách nhiệm của nhà thầu thiết kế xây dựng về chất lượng thiết kế xây dựng do mình thực hiện”. Do đó, đối với các nội dung thẩm định nêu trên không thay thế, không làm giảm trách nhiệm của các chủ thể tham gia dự án trong công tác quản lý chất lượng hồ sơ khảo sát, thiết kế cơ sở của dự án. Đề nghị chủ đầu tư, đơn vị tư vấn thiết kế và các đơn vị có liên quan tiếp tục rà soát, kiểm tra hồ sơ thiết kế cơ sở bảo đảm giải pháp thiết kế phù hợp với điều kiện địa hình, địa chất, bảo đảm kinh tế-kỹ thuật, ổn định công trình lâu dài; bảo đảm mục tiêu của dự án, phát huy hiệu quả đầu tư; đồng thời, chịu trách nhiệm toàn diện về các nội dung đã thực hiện.

3. Trên cơ sở thông báo kết quả thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng dự án này, Sở Xây dựng đề nghị các cơ quan, đơn vị liên quan phối hợp thực hiện một số các nội dung sau:

3.1. Đề nghị các Sở: Tài chính, Nông nghiệp và Môi trường, Công Thương tham mưu cho UBND tỉnh những nội dung liên quan đến lĩnh vực quản lý của ngành để dự án được tổ chức thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.

3.2. Đề nghị UBND thị các xã Chiềng Mai, Chiềng Mung, Mai Sơn và UBND phường Chiềng Sinh chỉ đạo phòng chuyên môn tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện dự án, các nội dung liên quan đến công tác quản lý trật tự xây dựng; trong bước thiết kế thi công trường hợp phát hiện các sai sót trong quá trình thực hiện đề nghị UBND thị các xã Chiềng Mai, Chiềng Mung, Mai Sơn và UBND phường Chiềng Sinh chỉ đạo xử lý vi phạm theo thẩm quyền hoặc báo cáo cấp thẩm quyền xử lý đảm bảo theo quy định.

Trên đây là Thông báo kết quả thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng dự án Nhà máy nước Chiềng Dong và các tuyến ống truyền tải nước sạch kết nối thành phố Sơn La và huyện Mai Sơn (nay là các xã Chiềng Mai, Chiềng Mung, Mai Sơn và phường Chiềng Sinh), Sở Xây dựng đề nghị Công ty cổ phần cấp nước Sơn La (chủ đầu tư) nghiên cứu, thực hiện theo quy định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (b/c);
- Các sở: Tài chính, NN&MT, Công Thương (p/h);
- UBND thị các xã Chiềng Mai, Chiềng Mung, Mai Sơn;
- UBND phường Chiềng Sinh;
- Đ/c Giám đốc Sở (b/c);
- Các phòng: QLKCHT; QHKT&PTĐT, QLCL&GDXD;
- Trung tâm PV.HCC tỉnh (Đ/c Kiều Anh);
- Lưu: VT, QLXD (Hải.30b).

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Văn Phúc

PHỤ LỤC**Tính toán chi phí thẩm định thiết kế cơ sở**

*(Kèm theo Thông báo kết quả thẩm định số: 4582 /SXD-QLXD
ngày 06 /11/2025 của Sở Xây dựng)*

Chi phí thẩm định hồ sơ thiết kế cơ sở được tính toán theo Thông tư số 28/2023/TT-BTC ngày 12/5/2023 của Bộ Tài chính.

Cụ thể như sau: Chi phí thẩm định hồ sơ thiết kế cơ sở
 $G_{td} = 260.456.019.000 \times 0,0094962 \% \times 50\% \times 50\% \times 50\% = 3.091.700$ đồng;

Ghi chú: Giá trị thẩm định công trình G_{td} được xác định trên cơ sở tổng mức đầu tư do chủ đầu tư cung cấp.